

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA VĂN HÓA – DU LỊCH

Phạm Ngọc Diệp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ-
VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA Ở XÃ ĐẠI HOÀNG, TỈNH
NINH BÌNH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG**

Mã sinh viên: 2651030065

Ngành: Du lịch

NINH BÌNH, 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA VĂN HÓA – DU LỊCH

Phạm Ngọc Diệp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ-
VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA Ở XÃ ĐẠI HOÀNG, TỈNH
NINH BÌNH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG**

Mã sinh viên: 2651030065

Ngành: Du lịch

Người hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thu

NINH BÌNH, 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên là Phạm Ngọc Diệp xin cam đoan đây là đề tài nghiên cứu của tôi. Những số liệu, thông tin sử dụng trong Khóa luận này được thu thập tại Sở Văn hóa và Thể thao, Ban Quản lý di tích đền Văn Bông, đền thờ Đức Thánh Nguyễn, nhà thờ - mộ Nguyễn Bặc. Nội dung trong khóa luận này do bản thân tôi tự nghiên cứu, tổng hợp từ các nguồn tài liệu được trích dẫn đầy đủ, theo đúng quy định. Nếu sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của Nhà trường!

Ninh Bình, ngày ... tháng 05 năm 2026

Sinh viên

Phạm Ngọc Diệp

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. Họ tên người hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thu
2. Đơn vị: Khoa Văn hóa - Du lịch
3. Họ tên sinh viên: Phạm Ngọc Diệp
4. Mã sinh viên: 2651030065
5. Khoa: Văn hóa - Du lịch
6. Tên đề tài khóa luận: Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình gắn với phát triển du lịch bền vững.

Tôi xác nhận rằng tôi đã trực tiếp hướng dẫn sinh viên Phạm Ngọc Diệp thực hiện khóa luận tốt nghiệp và đồng ý cho sinh viên Phạm Ngọc Diệp được phép bảo vệ đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học mà sinh viên đã thực hiện!

Người hướng dẫn

Trần Thị Thu

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
5. Phương pháp nghiên cứu	5
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn	5
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG.....	7
1.1. Lý luận chung về di tích lịch sử văn hóa và phát triển du lịch bền vững...	7
1.1.1. Di tích lịch sử văn hóa.....	7
1.1.2. Du lịch bền vững	13
1.2. Mối quan hệ giữa di tích lịch sử văn hóa và phát triển du lịch bền vững	17
1.2.1. Vai trò của di tích lịch sử văn hóa trong phát triển du lịch bền vững	17
1.2.2. Tác động của du lịch bền vững đến di tích lịch sử văn hóa	18
1.3. Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa	20
1.3.1. Nguyên tắc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa.....	20
1.3.2. Hoạt động bảo tồn di tích	22
1.3.3. Hoạt động phát huy giá trị của di tích	23
Tiểu kết chương 1	24
Chương 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA TẠI XÃ ĐẠI HOÀNG, TỈNH NINH BÌNH.25	
2.1. Khái quát về xã Đại Hoàng.....	25
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	25
2.1.2. Điều kiện kinh tế- xã hội	25
2.2. Giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng...	27
2.2.1. Giá trị cảnh quan	27
2.2.2. Giá trị lịch sử.....	30
2.2.3. Giá trị tâm linh	34
2.2.4. Giá trị nghệ thuật.....	36
2.3. Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng	41
2.3.1. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (đền Văn Bông)	41
2.3.2. Đền thánh Nguyễn.....	45
2.3.3. Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc	51

2.4. Đánh giá công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử- văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng	54
2.4.1. Tích cực	54
2.4.2. Hạn chế.....	55
Tiểu kết chương 2	57
Chương 3: GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA Ở XÃ ĐẠI HOÀNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG.....	58
3.1. Quan điểm, chính sách về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa .	58
3.1.1. Ở cấp trung ương.....	58
3.1.2. Ở cấp địa phương	59
3.2. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững	61
3.2.1. Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.....	61
3.2.2. Quản lý, tổ chức thực hành sinh hoạt văn hóa (lễ hội, nghi lễ)	62
3.2.3. Nâng cao nhận thức của các bên liên quan	63
3.2.4. Phát triển du lịch bền vững về kinh tế - văn hóa - xã hội và môi trường	65
Tiểu kết chương 3	67
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	68
1.1. Kết luận	68
1.2. Kiến nghị.....	69
1.2.1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa	69
1.2.2. Đối với chính quyền địa phương xã Đại Hoàng	69
1.2.3. Đối với ban quản lý di tích, ban khánh tiết và các dòng họ liên quan	70
TÀI LIỆU THAM KHẢO	71
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Theo Luật Di sản văn hóa năm 2024, *“Di tích lịch sử - văn hóa là công trình kiến trúc, nghệ thuật, cụm công trình xây dựng, địa điểm, di chỉ khảo cổ hoặc cấu trúc có tính chất khảo cổ học; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, cụm công trình, địa điểm, di chỉ hoặc cấu trúc đó, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học”* [8, tr.35]. Có thể thấy di tích lịch sử - văn hóa chính là tài sản vô giá có giá trị, góp phần củng cố và làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân. Ngoài ra, di tích lịch sử - văn hóa còn là nguồn tài nguyên du lịch đặc biệt quan trọng, là cơ sở tạo nên sự độc đáo, khác biệt và sức hấp dẫn cho điểm đến, thúc đẩy phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng.

Chính vì tính chất không thể thay thế của di tích lịch sử - văn hóa nên việc bảo tồn trở thành nhiệm vụ cấp thiết và quan trọng nhằm giữ gìn nguyên vẹn giá trị truyền thống cho thế hệ ngày nay và mai sau. Hiện nay, đã có nhiều di tích lịch sử - văn hóa, đặc biệt là những di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đang đứng trước nguy cơ xuống cấp do tác động của thời gian, thiên tai như bão, lũ, hoặc tình trạng quá tải do lượng khách tăng cao, từ hoạt động khai thác chưa hợp lý. Chính vì vậy, công tác bảo tồn di tích là vấn đề rất cấp thiết. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đó, Nhà nước và các địa phương đã ban hành nhiều chính sách, cơ chế quản lý chặt chẽ, đặc thù, phù hợp với thực tiễn nhằm phát huy tối đa hiệu quả bảo tồn và gìn giữ di tích.

Ninh Bình là một tỉnh nằm ở cửa ngõ phía Nam của đồng bằng châu thổ sông Hồng, có nhiều điều kiện để giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các tỉnh, thành phố đồng bằng Bắc Bộ cũng như vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Với điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng cùng với bề dày về lịch sử - văn hóa lâu đời, nơi đây đã lưu giữ hàng nghìn di tích lịch sử - văn hóa, di vật, di chỉ khảo cổ, làng nghề, lễ hội truyền thống, v.v, cùng nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Đây chính là nguồn tài nguyên quý giá, là tiềm năng, lợi thế để tỉnh Ninh Bình xây dựng và phát triển ngành công nghiệp không khói với các sản phẩm, dịch vụ du lịch đặc

sắc. Đặc biệt, việc sáp nhập các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình để hình thành tỉnh Ninh Bình mới không chỉ phù hợp với sự phát triển tất yếu của đất nước, mà còn mở ra những tiềm năng, cơ hội rất lớn để phát triển du lịch bền vững.

Là một trong những điểm đến an toàn, hấp dẫn, thân thiện, Ninh Bình sở hữu nguồn tài nguyên văn hóa rất phong phú. Theo thống kê của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình (sau sáp nhập) đã có khoảng hơn 5000 di tích được kiểm kê, trong đó có 10 di tích quốc gia đặc biệt, 264 di tích quốc gia và 834 di tích cấp tỉnh [23]. Hệ thống di tích phong phú kể trên là nguồn sử liệu quý giá, phản ánh toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của người dân Ninh Bình trong tiến trình dựng nước và giữ nước của cha ông.

Hệ thống di tích được phân bố rộng khắp các địa phương trên địa bàn tỉnh, trong đó có xã Đại Hoàng - một vùng đất cổ, giàu truyền thống văn hóa - lịch sử. Xã Đại Hoàng được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ba xã Gia Phương, Gia Trung và Tiến Thắng theo Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15. Trên địa bàn xã có nhiều di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, trong đó nổi bật là 4 di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia và 5 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh [21]. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (còn gọi là đền Văn Bông), đền thờ Đức Thánh Nguyễn, nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc đều được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia chứa đựng những giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu, phản ánh tiến trình lịch sử văn hóa của địa phương và của dân tộc.

Từ những lí do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài: “Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình gắn với phát triển du lịch bền vững” để làm khóa luận tốt nghiệp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Nhận thức được tầm quan trọng của di tích trong phát triển du lịch nên đã có nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả ở những mức độ khác nhau về di tích lịch sử - văn hóa trong phát triển du lịch. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như sau:

Tác giả Nguyễn Văn Đức (2013) với công trình *“Tổ chức các hoạt động du lịch tại một số di tích lịch sử văn hóa quốc gia của Hà Nội theo hướng phát triển bền vững”*, nghiên cứu lý luận và thực trạng tổ chức hoạt động du lịch tại một số di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại Hà Nội; so sánh hoạt động du lịch tại di tích lịch sử - văn hóa với các địa điểm du lịch khác. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch tại các di tích này của Hà Nội theo hướng bền vững.

Tác giả Vương Anh (2016) với bài viết trên báo Nhân dân điện tử *“Bảo tồn di tích, di sản văn hóa trong sự phát triển”* đề cập đến nội dung sự cân bằng giữa bảo tồn và phát triển, phát huy giá trị các di tích trong sự nghiệp bảo tồn, xây dựng và phát triển nền văn hóa nói chung, cũng như cho du lịch nói riêng đang là một thách thức lớn còn nhiều bất cập cần giải quyết và cần sự chung tay của nhà nước và cộng đồng.

Tác giả Trương Quốc Bình (2016) với bài viết trên Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, *“Bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam”* đã khẳng định rằng kho tàng di sản văn hóa là điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và tổ chức khai thác các trung tâm du lịch của Việt Nam. Vì vậy, tác giả đặt ra vấn đề đổi mới các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy kho tàng di sản trong tình hình mới. Tuy nhiên, hiện nay có không ít di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc và cảnh quan đang bị xuống cấp, thậm chí bị biến dạng nghiêm trọng. Vì vậy, tác giả đã đặt ra vấn đề đổi mới các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy kho tàng di sản trong tình hình mới.

Tác giả Phan Văn Trung, Lê Thị Ngọc Anh (2016) với công trình *“Thực trạng và một số giải pháp khai thác các di tích lịch sử, văn hóa phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Dương”* đã tập trung vào việc nghiên cứu thực trạng khai thác các di tích lịch sử, văn hóa phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Dương, từ đó đề xuất giải pháp để khai thác hiệu quả các di tích lịch sử, văn hóa phục vụ phát triển du lịch tại địa phương này.

Riêng về vùng đất Ninh Bình cũng có một số công trình nghiên cứu đặc sắc, tiêu biểu và mang lại những giá trị nổi bật, có thể kể đến như sau:

Công trình của tác giả Nguyễn Thị Thanh Nhân (2018) “*Quản lý di tích lịch sử văn hóa ở xã Gia phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình*” tập trung khảo sát phân tích thực trạng quản lý di tích ở xã Gia Phương (tỉnh Ninh Bình cũ), đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng quản lý di tích ở xã Gia Phương.

Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Huyền Trang (2018) “*Quản lý di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*” đã đánh giá thực trạng công tác quản lý di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư để đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao công tác quản lý di tích cấp quốc gia đặc biệt này.

Tác giả Đinh Văn Viễn và Hà Tổng Mạnh (2024) với công trình “*Giải pháp tăng cường quản lý về bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình*”, với nội dung nghiên cứu là chỉ ra vai trò của di sản văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa gắn liền với hoạt động du lịch tại Nho Quan từ đó nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý di sản văn hóa, khai thác tối ưu tiềm năng du lịch địa phương.

Có thể thấy, tại xã Đại Hoàng (đơn vị hành chính cấp xã mới được phân cấp từ 01/7/2025) chưa có công trình nghiên cứu nào về vấn đề bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia gắn với phát triển du lịch bền vững. Tuy nhiên, tất cả các công trình nghiên cứu kể trên đã đưa ra cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn; đồng thời là nguồn tài liệu để tác giả có thể kế thừa trong khóa luận tốt nghiệp của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Khóa luận nghiên cứu giá trị và thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình, từ đó đưa ra các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị các di tích trong phát triển du lịch bền vững, phù hợp với bối cảnh hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận về di tích lịch sử - văn hóa và du lịch bền vững.

Nghiên cứu giá trị và thực trạng bảo tồn, phát huy giá trị của một số di tích

lịch sử - văn hóa tại xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình.

Đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa ở xã Đại Hoàng trong phát triển du lịch bền vững.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở xã Đại Hoàng, bao gồm: Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (đền Văn Bông), Đền thờ Đức Thánh Nguyễn; Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (đền Văn Bông), đền thờ Đức Thánh Nguyễn và Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc tại xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình.

Thời gian: Từ năm 2022- 2025.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập tài liệu: Thu thập thông tin chi tiết, tư liệu về các di tích lịch sử-văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng, thu thập các văn bản quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình và xã, phường liên quan.

Phương pháp phân tích tổng hợp: Phân tích các tài liệu, công trình nghiên cứu đã có về bảo tồn di tích, phát triển du lịch bền vững, du lịch di sản, và các văn bản liên quan về Việt Nam và tỉnh Ninh Bình.

Phương pháp khảo sát thực địa: Khảo sát trực tiếp hiện trạng của các di tích lịch sử-văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng (mức độ xuống cấp, công tác quản lý, cơ sở hạ tầng du lịch và cảnh quan xung quanh).

Phương pháp phỏng vấn chuyên sâu: Phỏng vấn ban quản lý các di tích, người cao tuổi trong xã cũng như người dân tại xã để thu thập các thông tin thực tế về lịch sử, giá trị văn hóa, v.v. các vấn đề tồn tại làm cơ sở đề xuất giải pháp và định hướng chiến lược cho việc bảo tồn, phát huy giá trị của di tích trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đánh giá được thực trạng, giá trị và vai trò của các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình trong phát triển du lịch bền vững.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Sản phẩm khóa luận sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên, giảng viên chuyên ngành Văn hóa - Du lịch, Trường Đại học Hoa Lư và những ai quan tâm nghiên cứu tìm hiểu về việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia ở xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình gắn với phát triển du lịch bền vững.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

1.1. Lý luận chung về di tích lịch sử văn hóa và phát triển du lịch bền vững

1.1.1. Di tích lịch sử văn hóa

1.1.1.1. Khái niệm di tích lịch sử văn hóa

Đất nước Việt Nam đã trải qua hơn hai nghìn năm giữ nước và dựng nước, trang sử hào hùng ấy được ghi lại bằng nhiều loại hình sử liệu khác nhau: di tích, di vật, hình ảnh, chữ viết, ngôn ngữ truyền miệng. Trong số những nguồn sử liệu ấy thì di tích lịch sử - văn hóa đóng vai trò như một nguồn sử liệu vật chất quan trọng, cung cấp cho chúng ta rất nhiều thông tin của con người trong quá khứ mà nhiều nguồn sử liệu khác. Nguồn sử liệu này là minh chứng quan trọng giúp các nhà khoa học khẳng định sự hiện diện của cộng đồng cư dân bản địa trên vùng đất nhất định. Có thể nói rằng, di tích lịch sử - văn hóa là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó có chứa đựng các điển tích lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người trong lịch sử sáng tạo ra.

Di tích lịch sử - văn hoá là những nguồn sử liệu trực tiếp, cho ta những thông tin quan trọng để khôi phục những trang sử vẻ vang của dân tộc. Ngày nay có nhiều di tích đã và đang được bảo tồn và phát huy theo đúng nghĩa của nó. Nhưng cũng có di tích bị bỏ quên, hoặc đang bị xuống cấp, hoặc đang bị lấn chiếm với các mục đích sử dụng khác nhau.

Theo đại từ điển Tiếng Việt thì “*Di tích lịch sử văn hóa là tổng thể những công trình, địa điểm, đồ vật, hoặc tác phẩm, tài liệu có giá trị lịch sử hay giá trị văn hóa được lưu lại*”. [15, tr.245]

Theo Luật Di sản văn hóa năm 2024, “*Di tích lịch sử - văn hóa là công trình kiến trúc, nghệ thuật, cụm công trình xây dựng, địa điểm, di chỉ khảo cổ hoặc cấu trúc có tính chất khảo cổ học; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, cụm công trình, địa điểm, di chỉ hoặc cấu trúc đó, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học*”. [8, tr.35]

Theo tác giả Dương Văn Sáu, “*Di tích lịch sử - văn hóa là các công trình, địa điểm, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia liên quan đến sự kiện lịch sử hoặc nhân*

vật lịch sử, có giá trị khoa học, văn hóa, giáo dục và được bảo tồn để phục vụ du lịch và nghiên cứu” [9, tr.23-25].

Như vậy, “di tích lịch sử - văn hóa” dù được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau nhưng các nhà nghiên cứu đều thống nhất cho rằng, đây là hệ thống các công trình, địa điểm và hiện vật mang giá trị tiêu biểu, phản ánh quá trình hình thành, phát triển cũng như những đặc trưng văn hóa cốt lõi của con người qua các thời kỳ lịch sử.

1.1.1.2. Đặc điểm của di tích lịch sử văn hóa

Di tích lịch sử - văn hóa là những thực thể vật chất đặc biệt, được hình thành và lưu giữ qua thời gian, mang trong mình giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học và nghệ thuật. So với nhiều loại hình di sản khác, di tích lịch sử - văn hóa có những đặc điểm riêng, thể hiện ở các phương diện sau:

Thứ nhất, di tích lịch sử - văn hóa có tính xác thực và tính nguyên gốc. Đặc điểm cốt lõi của di tích lịch sử - văn hóa trước hết nằm ở tính xác thực và nguyên gốc, khi mỗi công trình đều là những bằng chứng vật chất lưu giữ trọn vẹn tư duy, kỹ thuật và nhãn quan thẩm mỹ của cha ông từ quá khứ. Dù trải qua nhiều lần tu bổ, phục dựng, việc bảo tồn các yếu tố gốc là điều kiện tiên quyết để duy trì độ tin cậy lịch sử, tạo nên sợi dây liên kết bền chặt giữa các thế hệ và khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc. Chính vì mang những giá trị đặc biệt và không thể thay thế, di tích trở thành đối tượng trọng điểm được Nhà nước bảo vệ thông qua việc xếp hạng ở các cấp độ khác nhau. Việc xác lập tư cách pháp lý này không chỉ là sự ghi nhận về mặt giá trị mà còn là cơ sở để thực hiện công tác quản lý, tu bổ bài bản, từ đó chuyển hóa di tích từ tài sản của địa phương thành di sản chung của quốc gia cần được gìn giữ vẹn nguyên cho muôn đời sau [8, tr.35, 55].

Thứ hai, di tích lịch sử - văn hóa có giá trị lịch sử và văn hóa cao. Thông qua di tích, con người hôm nay có thể nhận diện được những chặng đường phát triển của dân tộc, hiểu rõ hơn về bối cảnh lịch sử, đời sống xã hội và những giá trị văn hóa đã được hình thành, tích lũy qua nhiều thế hệ. Nhiều di tích gắn với các sự kiện lịch sử tiêu biểu trong tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, đây là những địa điểm đã chứng kiến hoặc lưu dấu những chứng tích quan trọng của lịch sử dân tộc qua các thời kỳ. Những di tích như Đền Hùng, bãi cọc Bạch Đằng,

bên cạnh nhà Rồng hay khu di tích cách mạng Pác Bó, v.v. không chỉ giúp ghi nhớ các mốc son lịch sử mà còn gợi nhắc về tinh thần đấu tranh, ý chí độc lập và truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam, hay quần thể di tích Cố đô Huế, nơi từng là kinh đô của Việt Nam dưới triều đại nhà Nguyễn, là di sản văn hóa đầu tiên của Việt Nam được UNESCO vinh danh là Di sản Văn hóa Thế giới. Giá trị của các di tích này nằm ở khả năng tái hiện lịch sử một cách cụ thể, tạo điều kiện để thế hệ sau tiếp cận quá khứ không chỉ qua sách vở mà còn qua không gian hiện hữu [8, tr.54].

Bên cạnh đó, nhiều di tích gắn liền với danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc. Đây thường là nơi sinh ra, trưởng thành hoặc nơi yên nghỉ của những con người có đóng góp lớn cho đất nước và cộng đồng. Các di tích dạng này không chỉ mang ý nghĩa tưởng niệm mà còn thể hiện sự tri ân của hậu thế đối với công lao của các bậc tiền nhân. Điển hình như khu di tích Kim Liên lưu giữ những nếp nhà tranh đơn sơ gắn với thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh; hay đền thờ Chu Văn An - nơi tôn vinh "người thầy của muôn đời" - không chỉ là điểm đến tâm linh mà còn là biểu tượng cho tinh thần hiếu học. Tại Ninh Bình, các di tích như đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền thờ Đức Thánh Nguyễn (thờ Thiền sư Nguyễn Minh Không) hay Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc được xây dựng ở quê hương làng Đại Hữu, làng Diêm, là những minh chứng sống động cho sự tri ân của hậu thế đối với những vị khai quốc công thần và các bậc tiền nhân có công lớn với dân tộc.

Thứ ba, di tích lịch sử - văn hóa mang tính cộng đồng và thuộc sở hữu của cộng đồng. Trong thực tế, nhiều di tích không chỉ tồn tại như một dấu tích của quá khứ mà còn là không gian văn hóa, gắn với đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư địa phương. Nơi đây thường là nơi diễn ra lễ hội, nghi lễ, hoạt động tín ngưỡng và các sinh hoạt văn hóa truyền thống. Vì vậy, di tích vừa có chức năng lưu giữ ký ức lịch sử, vừa góp phần duy trì sự gắn kết cộng đồng, cùng cố ý thức hướng về cội nguồn và bảo lưu bản sắc văn hóa địa phương [8, tr.39, 43].

1.1.1.3. Tiêu chí nhận diện và xếp hạng di tích lịch sử văn hóa

Việc nhận diện và xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa không chỉ là công tác kiểm kê mang tính vật chất, mà còn là quá trình đánh giá, xác lập các giá trị tinh thần cũng như vị thế của di tích trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Theo Điều 22, Khoản

1 Luật Di sản văn hóa 2024, để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cần đảm bảo các tiêu chí sau:

Trước hết, di tích được công nhận thông qua tính chứng tích lịch sử, nơi những công trình và địa điểm trở thành nhân chứng cho các sự kiện tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước. Ở khía cạnh này, di tích giúp lưu giữ những câu chuyện cũ, biến những trang sử hào hùng thành không gian thực thể để thế hệ mai sau có thể hình dung và tìm hiểu về quá khứ.

Thứ hai, di tích còn mang giá trị văn hóa sâu sắc khi gắn liền với thân thể, sự nghiệp của các anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử. Đây không chỉ là nơi lưu dấu cuộc đời của những nhân vật ưu tú, mà còn là nơi tập trung của những tư tưởng, đạo đức và tầm ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của cộng đồng qua nhiều giai đoạn lịch sử.

Thứ ba, một tiêu chí mang tính thực tiễn là việc ghi nhận các địa điểm gắn liền với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, từ sản xuất công nghiệp, quy hoạch đô thị đến nông thôn. Những di tích này chính là những dấu tích còn lại đại diện cho sự phát triển và là minh chứng cho sự sáng tạo, trình độ khoa học kỹ thuật và khả năng thích ứng của con người trước những biến động của thời đại.

Có thể thấy, các tiêu chí xếp hạng di tích được xây dựng dựa trên mức độ lan tỏa và các giá trị của di tích đối với địa phương và quốc gia. Việc xếp hạng di tích không chỉ để tôn vinh, mà còn là cơ sở để nhà nước và nhân dân cùng có trách nhiệm giữ gìn di tích, nhằm đảm bảo di tích không bị hư hỏng hay thay đổi bởi tác động bên ngoài, để các di tích luôn là tài sản quý giá cho thế hệ tương lai.

Theo Luật Di sản văn hóa 2024, Điều 22, tiêu chí nhận diện di tích được thể hiện cụ thể như sau:

Di tích lịch sử phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương trong quá trình dựng nước và giữ nước;

b) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thể và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử;

c) Công trình xây dựng, địa điểm gắn với lịch sử phát triển công nghiệp, đô thị, nông thôn có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc địa phương trong một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử.

Di tích kiến trúc, nghệ thuật phải đáp ứng tiêu chí là công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc đô thị, nông thôn, địa điểm cư trú, khu vực đô thị và nông thôn, công trình công nghiệp chứa đựng công trình kiến trúc và không gian lịch sử, văn hóa có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn phát triển của lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật.

Di tích khảo cổ là địa điểm phát hiện dấu tích liên quan đến hoạt động của con người, có tầng văn hóa chứa đựng di tích, di vật phản ánh lịch sử văn hóa, con người, có giá trị tiêu biểu cho một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử.

Danh lam thắng cảnh phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

- a) Cảnh quan thiên nhiên có giá trị lịch sử, khoa học, thẩm mỹ tiêu biểu;
- b) Cảnh quan thiên nhiên, địa điểm có sự kết hợp với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, khoa học, thẩm mỹ tiêu biểu;
- c) Khu vực thiên nhiên có giá trị khoa học về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù hoặc khu vực thiên nhiên chứa đựng những dấu tích vật chất về các giai đoạn phát triển của trái đất.

Di tích hỗn hợp là di tích đáp ứng tiêu chí của ít nhất 02 loại hình di tích kể trên (di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích khảo cổ).

Việc xếp hạng di tích là công tác được coi là công tác trọng tâm để từ đó Nhà nước; các bộ ngành và địa phương thực hiện chính sách đồng bộ, nhất quán nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di tích. Theo Điều 24, Luật Di sản văn hóa 2024, di tích được xếp hạng ở phạm vi quốc gia, di tích được Unesco xem xét, công nhận là di sản thế giới và di tích được xem xét, công nhận theo phạm vi phân bố. Cụ thể là:

Di tích được xếp hạng ở phạm vi quốc gia bao gồm: di tích cấp tỉnh; di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt.

Di tích được Unesco xem xét, công nhận là di sản thế giới bao gồm: di sản văn hóa thế giới, di sản thiên nhiên thế giới và di sản thế giới hỗn hợp.

Di tích được xếp hạng, công nhận theo phạm vi phân bố bao gồm: di tích được xếp hạng ở phạm vi quốc gia có phạm vi phân bố trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; di tích có phạm vi phân bố trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên và di tích được công nhận là di sản thế giới có phạm vi phân bố trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và trên lãnh thổ của một hoặc nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ khác.

1.1.1.4. Giá trị của di tích lịch sử văn hóa

Di tích lịch sử - văn hóa không chỉ là tiếng vọng từ quá khứ mà còn là những nhân chứng của lịch sử. Việc gìn giữ và trân quý các di sản này đã trở thành sứ mệnh thiêng liêng của mọi quốc gia trên thế giới. Di tích là tài sản vô giá với nhiều tầng giá trị, nổi bật là bốn giá trị sau đây:

Thứ nhất, di tích lịch sử - văn hóa có giá trị lịch sử và giáo dục sâu sắc. Di tích là bằng chứng vật chất chân thực về những sự kiện, nhân vật và giai đoạn lịch sử đã diễn ra trong quá khứ, mỗi di tích là một mốc son chói lọi, ghi dấu những sự kiện trọng đại, những chiến công hiển hách hay những thăng trầm của một thời đại. Đây là nguồn tư liệu vật chất chân thực nhất, có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn bất kỳ trang sách nào, giúp cộng đồng - đặc biệt là thế hệ trẻ - định vị được nguồn cội và bản sắc dân tộc. Khi con người tiếp cận di tích, đặc biệt là các di tích gắn với sự kiện lớn hoặc danh nhân tiêu biểu, họ không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn có sự rung cảm về mặt tinh thần. Điều này làm cho di tích trở thành môi trường giáo dục trực quan, góp phần bồi dưỡng nhân cách, ý thức trách nhiệm và thái độ trân trọng quá khứ cho các thế hệ mai sau.

Thứ hai, di tích lịch sử - văn hóa có giá trị văn hóa, xã hội. Di tích lịch sử - văn hóa phản ánh giá trị cảnh quan, giá trị nghệ thuật, tư duy thẩm mỹ, thế giới quan và hệ giá trị đạo đức của con người trong một giai đoạn lịch sử cụ thể. Dù là một ngôi đình làng cổ kính, một công trình tôn giáo uy nghiêm hay một di chỉ khảo cổ, tất cả đều chứa đựng tâm hồn và trí tuệ của cha ông. Bên cạnh đó, hệ thống di tích cũng phản ánh truyền thống của cộng đồng thông qua phong tục, tập quán, lối sống và cách ứng xử giữa con người với con người. Đặc biệt, thông qua hệ thống di tích thế giới tinh thần của cộng đồng được biểu hiện rõ nét qua hình tượng các nhân vật được thờ cúng, tôn vinh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ hiện nay, di tích lịch sử - văn hóa đóng vai trò như một bộ nhận diện đặc trưng,

giúp dân tộc không bị hòa tan, đồng thời tạo ra sự gắn kết cộng đồng bền chặt thông qua các hoạt động tín ngưỡng và lễ hội gắn liền với di tích.

Thứ ba, di tích lịch sử - văn hóa có giá trị khoa học. Thông qua việc nghiên cứu di tích, các nhà khoa học có thể tìm hiểu về điều kiện sống, phương thức tổ chức xã hội, kỹ thuật xây dựng, đời sống tín ngưỡng và trình độ phát triển văn hóa của con người trong quá khứ. Nhiều di tích, di chỉ khảo cổ cung cấp những chứng cứ có giá trị để phục dựng các giai đoạn lịch sử chưa được ghi chép đầy đủ trong thư tịch. Những lớp cấu trúc, nền móng, hiện vật, hoa văn, ký tự hoặc dấu tích cư trú để lại trong di tích đều có thể trở thành căn cứ để giải thích những vấn đề lịch sử, văn hóa còn bỏ ngỏ.

Thứ tư, di tích lịch sử - văn hóa có giá trị kinh tế. Trong bối cảnh hiện nay, di tích được xem là một trong những nguồn tài nguyên du lịch nhân văn đặc biệt quan trọng. Các di tích có giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc và tâm linh thường tạo sức hấp dẫn lớn đối với du khách, nhất là trong xu hướng phát triển du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa. Việc khai thác hợp lý các di tích không chỉ góp phần quảng bá hình ảnh địa phương mà còn mở ra cơ hội phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, tăng nguồn thu cho người dân và tạo thêm việc làm cho cộng đồng.

Di tích lịch sử văn hóa còn được coi là “bảo tàng sống” ngoài trời, nơi lưu giữ hồn cốt và kỷ tích của cha ông. Mỗi người dân Việt Nam, từ việc tôn trọng quy định tại các di tích, đến việc lan tỏa kiến thức, đều có thể góp một phần nhỏ bé nhưng ý nghĩa vào công cuộc bảo tồn di sản quốc gia.

Tuy nhiên, giá trị kinh tế - du lịch của di tích chỉ thực sự bền vững khi đi kèm với công tác bảo tồn. Nếu khai thác quá mức hoặc thiếu quy hoạch, di tích rất dễ bị xuống cấp, biến dạng hoặc mất dần tính nguyên gốc. Vì vậy, nhìn nhận giá trị kinh tế của di tích không có nghĩa là thương mại hóa bằng mọi giá, mà cần đặt trong mối quan hệ hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

1.1.2. Du lịch bền vững

1.1.2.1. Quan điểm du lịch bền vững

Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách và địa phương nhưng vẫn chú trọng đến việc bảo tồn, tôn tạo các nguồn tài nguyên cho tương lai.

Du lịch bền vững được định nghĩa theo một số quan điểm như sau:

Tại hội nghị về môi trường và phát triển của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992, Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) đã đưa ra định nghĩa: *“Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thỏa mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho sự phát triển của con người”* [18, tr.21].

Hunter, C. (1998) thì du lịch bền vững đòi hỏi phải quản lý tất cả các dạng tài nguyên theo cách thức nào đó để chúng ta có thể đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hóa, các quá trình sinh thái cơ bản, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái đảm bảo sự sống [19].

Machado, A. (2003) đã đi sâu vào tính khả thi về kinh tế gắn liền với kết cấu xã hội, định nghĩa du lịch bền vững : *“Các hình thức du lịch đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch, ngành du lịch và cộng đồng địa phương nhưng không ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. Du lịch khả thi về kinh tế nhưng không phá hủy tài nguyên mà tương lai của du lịch phụ thuộc vào đó, đặc biệt là môi trường tự nhiên và kết cấu xã hội của cộng đồng địa phương”* [20, tr.21].

Luật Du lịch Việt Nam năm 2017, xác định phát triển du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, đồng thời không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh đó, luật cũng nhấn mạnh trách nhiệm quản lý, bảo vệ, tôn tạo và khai thác hợp lý tài nguyên du lịch; yêu cầu cộng đồng dân cư tham gia, hưởng lợi hợp pháp từ hoạt động du lịch, đồng thời có trách nhiệm giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương và bảo vệ môi trường [7, tr.3].

Từ các quan điểm trên ta có thể hiểu quan điểm du lịch bền vững là quan điểm phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường,

gìn giữ bản sắc văn hóa, bảo đảm sự tham gia và lợi ích của cộng đồng, đồng thời đáp ứng hài hòa yêu cầu phát triển ở hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến khả năng phát triển trong tương lai.

1.1.2.2. Ý nghĩa của du lịch bền vững đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ hướng tới các giá trị xanh, phát triển du lịch bền vững đã trở thành yêu cầu tất yếu. Phát triển du lịch bền vững phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia, đồng thời không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch trong tương lai.

Trước hết, về phương diện kinh tế, du lịch bền vững góp phần thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo thêm việc làm cho người lao động. Khi được tổ chức hợp lý, hoạt động du lịch không chỉ tạo nguồn thu từ dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận chuyển hay tham quan, mà còn kéo theo sự phát triển của nhiều ngành liên quan như thương mại, thủ công mỹ nghệ, nông nghiệp đặc sản và dịch vụ địa phương. Tổ chức du lịch thế giới đã xem du lịch là một phương tiện hiệu quả thúc đẩy đa dạng hóa kinh tế, hội nhập kinh tế và giảm nghèo, trong khi Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc cũng gắn du lịch bền vững với mục tiêu tạo việc làm và phát huy sản phẩm, văn hóa địa phương. Điều đó cho thấy ý nghĩa kinh tế của du lịch bền vững không nằm ở tăng trưởng ngắn hạn, mà ở khả năng tạo sinh kế tương đối ổn định và lâu dài cho cộng đồng.

Về mặt xã hội, hoạt động du lịch được phát triển theo hướng bền vững sẽ khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia trực tiếp vào quá trình cung ứng dịch vụ, quản lý tài nguyên và hưởng lợi từ thành quả phát triển. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống, tạo động lực giữ gìn nghề truyền thống và tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng. Du lịch Việt Nam cũng xác định cộng đồng dân cư là một chủ thể có liên quan trong hoạt động du lịch, còn mô hình du lịch cộng đồng được tổ chức trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng quản lý, khai thác và hưởng lợi.

Bên cạnh các giá trị về kinh tế và xã hội, du lịch bền vững đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ hệ sinh thái và duy trì sự cân bằng tự nhiên của các di tích.

Trước hết, du lịch bền vững có thể giúp giảm thiểu áp lực lên tài nguyên bằng cách kiểm soát lượng khách và quản lý hoạt động tham quan, việc đó không chỉ ngăn chặn tình trạng ô nhiễm đất, nước, không khí mà còn bảo vệ các hệ sinh thái nhạy cảm như rừng san hô hay rừng nguyên sinh. Ngoài ra, du lịch bền vững cũng góp phần quan trọng vào việc bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn thu từ hoạt động này có thể được tái đầu tư trực tiếp vào các chương trình bảo tồn động thực vật hoang dã, tạo động lực mạnh mẽ cho chính quyền và cộng đồng địa phương trong việc loại trừ nạn săn bắt hay phá rừng trái phép.

Du lịch bền vững còn có ý nghĩa sâu sắc đối với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, bởi lẽ, nhiều điểm đến hấp dẫn không chỉ nhờ tài nguyên tự nhiên mà còn nhờ chiều sâu lịch sử, bản sắc văn hóa, lễ hội, tín ngưỡng của cộng đồng cư dân. Khi phát triển đúng hướng, du lịch bền vững có thể tạo thêm nguồn lực cho bảo tồn di sản, khuyến khích cộng đồng trân trọng giá trị văn hóa bản địa và nâng cao hình ảnh điểm đến. Ngược lại, nếu phát triển thiếu kiểm soát, chính những giá trị văn hóa vốn là nền tảng của du lịch lại có thể bị thương mại hóa hoặc mai một. Do đó, giá trị của du lịch bền vững nằm ở sự cân bằng giữa việc khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch và bảo tồn nguyên vẹn bản sắc địa phương.

1.1.2.3. Nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

Phát triển du lịch bền vững là quá trình phát triển du lịch trên cơ sở bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Để phát triển du lịch bền vững, cần đảm bảo và triển khai một số nguyên tắc cụ thể sau:

Về phương diện kinh tế, nguyên tắc cốt lõi là việc khai thác và sử dụng nguồn lực như tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên văn hóa, nhân lực, vốn, cơ sở vật chất và thị trường, bảo đảm phục vụ nhu cầu hiện tại nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả kinh doanh lâu dài mà không làm cạn kiệt cơ hội của tương lai. Để đạt được điều này, du lịch phải hỗ trợ trực tiếp cho kinh tế địa phương, gắn liền lợi nhuận với trách nhiệm chi trả cho các chi phí phục hồi môi trường. Đồng thời, cũng cần chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao và thường xuyên thực hiện các công tác nghiên cứu, giám sát dữ liệu để kịp thời giải quyết những vấn đề tồn đọng, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững.

Về phương diện văn hóa - xã hội, giá trị bền vững nằm ở việc duy trì tính đa dạng của bản sắc, phong tục tập quán và đời sống cộng đồng. Du lịch không thể tách rời khỏi con người bản địa; do đó, cần khuyến khích sự tham gia trực tiếp của người dân vào các hoạt động dịch vụ để họ vừa được hưởng lợi, vừa trực tiếp trở thành người bảo vệ tài nguyên. Bên cạnh đó, việc tiếp thị có trách nhiệm cũng đóng vai trò quan trọng, giúp du khách có cái nhìn đầy đủ và tôn trọng hơn đối với bản sắc văn hóa địa phương.

Về phương diện môi trường, du lịch chỉ có thể tồn tại lâu dài nếu chúng ta biết cách sử dụng tiết kiệm tài nguyên như điện, nước sạch và các sản phẩm từ tự nhiên. Bên cạnh đó, việc phát triển du lịch không được diễn một cách tự phát, mà phải được phát triển theo tổ chức, tuân thủ theo chiến lược phát triển của địa phương. Điều này giúp đảm bảo mọi công trình xây dựng hay hoạt động tham quan đều phải có sự tính toán, giữ gìn được vẻ đẹp nguyên bản của cảnh quan và tránh việc bê tông hóa làm hỏng đi sức hút vốn có của thiên nhiên.

1.2. Mối quan hệ giữa di tích lịch sử văn hóa và phát triển du lịch bền vững

1.2.1. Vai trò của di tích lịch sử văn hóa trong phát triển du lịch bền vững

Di tích lịch sử - văn hóa là cơ sở quan trọng để hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch bền vững. Nhiều loại hình du lịch hiện nay như du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, du lịch di sản đều dựa trực tiếp vào hệ thống di tích. Điểm đáng chú ý là các sản phẩm này không chỉ phục vụ nhu cầu tham quan mà còn mang lại trải nghiệm về lịch sử, văn hóa và bản sắc địa phương.

Di tích còn đóng vai trò tạo sức hấp dẫn và nâng cao năng lực cạnh tranh của điểm đến. Trong bối cảnh các địa phương đều đẩy mạnh phát triển du lịch, việc sở hữu hệ thống di tích có giá trị sẽ giúp tạo ra sự khác biệt rõ rệt. Một điểm đến có chiều sâu lịch sử và bản sắc văn hóa riêng thường dễ gây ấn tượng hơn so với những điểm đến chỉ dựa vào yếu tố cảnh quan. Đặc biệt, khi di tích được khai thác gắn với câu chuyện lịch sử, nhân vật hoặc truyền thuyết địa phương, sức hút đối với du khách càng được gia tăng, góp phần kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao hiệu quả khai thác du lịch.

Di tích lịch sử - văn hóa có thể coi là chất liệu quý giá để tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo và bền vững, bởi đây là một bộ phận cốt lõi của tài nguyên du lịch văn hóa. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, con người luôn chịu áp lực, sức ép cả về đời sống vật chất lẫn tinh thần, do đó, nhu cầu nghỉ ngơi, thỏa mãn đời sống tinh thần ngày càng tăng dẫn đến việc đi du lịch, tìm về những nơi có cảnh đẹp gần gũi thiên nhiên, các công trình kiến trúc tâm linh là hết sức thiết yếu. Vì vậy, di tích lịch sử - văn hóa được xem là sức mạnh, giúp định vị vị thế của Việt Nam trên bản đồ du lịch thế giới. Việc chúng ta liên tục được vinh danh là *"Điểm đến Di sản hàng đầu thế giới"* tại World Travel Awards không chỉ là danh hiệu, mà là minh chứng cho sức hấp dẫn bền bỉ của một nền văn hóa có bề dày lịch sử hàng ngàn năm văn hiến.

Di tích lịch sử - văn hóa có chức năng giáo dục sâu sắc, nơi giáo dục về lịch sử vẻ vang và truyền thống dựng nước và giữ nước. Đối với du khách và đặc biệt là thế hệ trẻ, việc chạm tay vào những vết tích thời gian có giá trị giáo dục hơn bất kỳ trang sách nào. Và chính không gian linh thiêng và cổ kính của các di tích cũng góp phần định hướng hành vi trách nhiệm cho du khách. Du lịch bền vững khuyến khích du khách ứng xử văn minh, tôn trọng bản sắc địa phương, khi du khách đến với di tích bằng tâm thế tôn trọng, họ sẽ trở thành những người bảo vệ, giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến di tích.

1.2.2. Tác động của du lịch bền vững đến di tích lịch sử văn hóa

Trong thế giới hiện đại, các di tích lịch sử không chỉ là những dấu tích của quá khứ mà đã trở thành nguồn tài nguyên quý báu để phát triển du lịch bền vững. Về việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phát triển du lịch bền vững luôn gắn liền với việc giữ gìn bản sắc văn hóa, bởi chính văn hóa là yếu tố tạo nên linh hồn của điểm đến. Khi di tích được đưa vào hoạt động du lịch, các giá trị văn hóa có cơ hội được duy trì và lan tỏa rộng rãi. Ngoài ra, du lịch bền vững chỉ thực sự thành công khi người dân địa phương trở thành linh hồn của di sản, các di tích không chỉ là điểm đến mà còn là không gian văn hóa chung, nơi gắn kết cộng đồng và khơi dậy lòng tự hào dân tộc. Khi người dân thấy được giá

trị của di sản qua cái nhìn ngưỡng mộ của du khách, họ sẽ tự giác trở thành những sứ giả văn hóa, bảo vệ vốn cổ của cha ông.

Ở góc độ kinh tế, di tích lịch sử - văn hóa góp phần tạo động lực phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững. Một trong những lợi ích lớn nhất của du lịch bền vững là tạo ra nguồn lực để tái đầu tư cho bảo tồn. Nguồn thu từ phí tham quan và dịch vụ tại các di tích cung cấp ngân sách trực tiếp để trùng tu, tôn tạo các công trình đang có nguy cơ xuống cấp, không những vậy, hoạt động du lịch còn thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành liên quan như lưu trú, ăn uống, vận tải, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ và dịch vụ địa phương. Ngoài ra, du lịch còn giúp hồi sinh các giá trị phi vật thể, tại các điểm di tích, các lễ hội truyền thống, các làng nghề thủ công và nghệ thuật biểu diễn dân gian vốn đang dần mai một lại có cơ hội được trình diễn, thực hành và truyền dạy cho thế hệ mai sau.

Về phương diện môi trường, du lịch bền vững có vai trò bảo vệ và kéo dài tuổi thọ cho các di tích. Thay vì lượng khách du lịch ồ ạt, phát triển du lịch bền vững sẽ kiểm soát lượng khách tham quan để tránh làm bào mòn hay hư hại các kiến trúc cổ, bên cạnh đó, việc quản lý tốt rác thải và tiếng ồn cũng giúp di tích giữ được không gian và vẻ tôn nghiêm vốn có.

Tuy nhiên, nếu du lịch phát triển mà thiếu đi các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ, các di tích lịch sử văn hóa sẽ phải đối mặt với những ảnh hưởng tiêu cực. Sự gia tăng lượng khách có thể dẫn đến hiện tượng bào mòn vật lý và làm thay đổi cảnh quan trang nghiêm bên trong di tích, trực tiếp đe dọa sự bền vững của các cấu trúc cổ. Bên cạnh đó, tình trạng "thương mại hóa" khiến các giá trị văn hóa phi vật thể dễ bị biến dạng để chiều lòng thị hiếu du khách, làm mất đi tính nguyên bản của di sản. Việc mở rộng cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ du lịch đôi khi xâm lấn không gian cảnh quan truyền thống, gây xáo trộn đời sống cộng đồng tại chỗ và tạo ra áp lực rác thải, tiếng ồn, làm mất đi vẻ tôn nghiêm vốn có của các địa danh lịch sử.

1.3. Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa

1.3.1. Nguyên tắc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa

Bảo tồn được hiểu là giữ lại không để cho mất đi hoặc bị biến đổi, phát huy là làm cho cái hay cái tốt lan tỏa và phát sinh tác dụng mỗi ngày một lớn hơn. Bảo tồn di tích là việc tổng hợp các hoạt động gìn giữ, bảo vệ vật chất và không gian lịch sử vốn có, qua đó hạn chế sự ảnh hưởng của tự nhiên lẫn con người nhằm ngăn chặn sự sai lệch yếu tố gốc. Song hành với quá trình ấy, phát huy giá trị di tích không phải là hoạt động làm mới hay thay đổi giá trị di tích, mà đưa những giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật vào đời sống hiện đại [22].

Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa là hai mặt có quan hệ chặt chẽ với nhau. Nếu bảo tồn giúp gìn giữ các yếu tố gốc, duy trì tính xác thực và sự bền vững của di tích theo thời gian thì phát huy giá trị lại tạo điều kiện để di tích tiếp tục hiện diện trong đời sống đương đại, đóng góp vào giáo dục truyền thống, nâng cao đời sống tinh thần của cộng đồng và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, để việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích diễn ra đúng hướng, Luật Di sản văn hóa năm 2024 đã đưa ra những nguyên tắc sau:

Thứ nhất, bảo tồn và phát huy giá trị di tích phải dựa trên cơ sở khoa học và tuân thủ quy định của pháp luật. Di tích lịch sử văn hóa là đối tượng đặc thù, có giá trị cao và không thể thay thế, vì vậy việc quản lý, tu bổ và khai thác di tích không thể thực hiện theo kinh nghiệm cảm tính mà cần được tiến hành dựa trên hồ sơ khoa học, tài liệu lịch sử, khảo sát thực địa và ý kiến của đội ngũ chuyên môn. Đồng thời, quá trình này phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, quy hoạch, xây dựng, môi trường và du lịch. Nguyên tắc này giúp hạn chế tình trạng tu bổ sai lệch, xây mới tùy tiện, lạm dụng không gian di tích hoặc tổ chức hoạt động không phù hợp làm ảnh hưởng đến giá trị vốn có của di tích [8, tr.42].

Thứ hai, bảo tồn di tích phải đặt trên cơ sở tôn trọng tính nguyên gốc, tính chân xác và tính toàn vẹn của di tích. Đây là nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong công tác bảo tồn di sản văn hóa. Mỗi di tích là một thực thể lịch sử được hình thành trong những điều kiện cụ thể của quá khứ, vì vậy các yếu tố cấu thành

như vị trí, mặt bằng, kết cấu kiến trúc, vật liệu xây dựng, hoa văn trang trí, hiện vật gắn liền với di tích và cả không gian văn hóa xung quanh đều có ý nghĩa riêng. Trong quá trình tu bổ, tôn tạo hoặc phục hồi, nếu can thiệp tùy tiện, thay đổi vật liệu, kết cấu hoặc thêm thắt các chi tiết không phù hợp sẽ làm giảm giá trị lịch sử và tính xác thực của di tích. Vì vậy, mọi hoạt động bảo tồn cần hướng tới việc giữ gìn tối đa yếu tố gốc còn lại, hạn chế sự áp đặt chủ quan của con người hiện đại lên các di tích [8, tr.42].

Thứ ba, bảo tồn di tích phải gắn với việc phát huy giá trị một cách hợp lý, tránh khuynh hướng đóng băng di tích trong trạng thái tĩnh. Di tích lịch sử văn hóa không chỉ là dấu tích của quá khứ mà còn là tài sản văn hóa sống, có mối quan hệ mật thiết với cộng đồng và đời sống xã hội hiện tại. Nếu chỉ chú trọng bảo vệ hình thức vật chất mà không tạo điều kiện để di tích được khai thác, giới thiệu, giáo dục và lan tỏa giá trị thì di tích dễ rơi vào tình trạng thiếu sức sống trong đời sống đương đại. Tuy nhiên, việc phát huy giá trị di tích phải được thực hiện trong giới hạn cho phép, phù hợp với tính chất, đặc điểm và tình trạng của từng di tích [8, tr.42].

Thứ tư, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích phải bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích văn hóa, xã hội, kinh tế và môi trường. Trong bối cảnh hiện nay, nhiều di tích đang được đưa vào khai thác phục vụ phát triển du lịch, tạo nguồn thu cho địa phương và nâng cao đời sống người dân. Đây là hướng đi cần thiết, nhưng nếu chỉ đặt mục tiêu kinh tế lên hàng đầu thì di tích rất dễ bị quá tải, xuống cấp hoặc biến dạng. Do đó, mọi hoạt động khai thác di tích cần được cân nhắc trên quan điểm phát triển bền vững, tức là vừa tạo ra giá trị sử dụng trong hiện tại, vừa bảo đảm khả năng lưu giữ lâu dài cho các thế hệ mai sau. Nói cách khác, phát huy giá trị di tích phải đi cùng với trách nhiệm bảo vệ tài nguyên văn hóa và môi trường cảnh quan của di tích [8, tr.42].

Thứ năm, phải coi cộng đồng là chủ thể quan trọng trong bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa. Di tích không tồn tại tách rời khỏi cộng đồng mà luôn gắn với ký ức, niềm tin, phong tục, lễ hội và đời sống văn hóa của người dân địa phương. Chính cộng đồng là lực lượng trực tiếp gìn giữ, sử dụng, truyền

dạy và trao truyền các giá trị gắn với di tích từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì vậy, công tác bảo tồn sẽ khó đạt hiệu quả nếu thiếu sự đồng thuận, tham gia và giám sát của cộng đồng [8, tr.42].

Thứ sáu, bảo tồn và phát huy giá trị di tích phải đặt trong mối quan hệ với không gian văn hóa và cảnh quan xung quanh. Giá trị của di tích không chỉ nằm ở bản thân công trình mà còn nằm trong tổng thể môi trường lịch sử, văn hóa, sinh thái và xã hội nơi di tích hiện diện. Một ngôi đền, ngôi chùa, nhà thờ hay khu lăng mộ nếu bị tách khỏi cảnh quan, bị bao quanh bởi các công trình hiện đại thiếu kiểm soát hoặc bị xâm lấn bởi hoạt động xây dựng, kinh doanh không phù hợp thì giá trị thẩm mỹ, giá trị cảm nhận và ý nghĩa văn hóa của di tích cũng bị suy giảm [8, tr.42].

Từ những nguyên tắc trên có thể thấy, việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa là một quá trình đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa việc bảo vệ yếu tố gốc, khai thác hợp lý giá trị sử dụng, tuân thủ cơ sở khoa học và pháp lý, đồng thời phát huy vai trò của cộng đồng và định hướng phát triển bền vững.

1.3.2. Hoạt động bảo tồn di tích

Bảo tồn di tích không chỉ là hoạt động bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại lâu dài, ổn định của các di sản theo dạng thức nguyên bản, mà còn là nhiệm vụ chiến lược nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Để thực hiện hiệu quả mục tiêu này, cần triển khai một hệ thống giải pháp đồng bộ và toàn diện.

Trước hết, về mặt quản lý, việc hoàn thiện khung pháp lý và chính sách thông qua các luật, nghị định cụ thể là nền tảng cốt lõi để bảo vệ di sản trước những tác động tiêu cực. Song song với đó, công tác nghiên cứu và tài liệu hóa cũng cần được chú trọng để nhận diện giá trị di sản và tạo thành một kho tàng lưu giữ tri thức cho thế hệ mai sau.

Bên cạnh các biện pháp kỹ thuật như tu bổ, phục dựng, v.v. thì việc giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng lại đóng vai trò then chốt, biến người dân thành chủ thể trực tiếp bảo vệ di tích. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc tăng cường hợp tác quốc tế đóng vai trò then chốt trong việc mở rộng nguồn lực tài chính và tiếp thu những kinh nghiệm quản lý từ thế giới, đây là tiền đề quan trọng

đề hướng tới mục tiêu cao nhất của bảo tồn, đó chính là sự phát triển bền vững. Ngoài ra, việc phát triển du lịch bền vững cũng giúp tạo ra nguồn thu nhập để duy trì và bảo vệ di sản, đồng thời nâng cao đời sống của cộng đồng địa phương.

1.3.3. Hoạt động phát huy giá trị của di tích

Hoạt động phát huy giá trị của di tích là quá trình đưa những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, kiến trúc và tinh thần của di tích vào đời sống xã hội đương đại thông qua nhiều hình thức khác nhau. Nếu bảo tồn hướng tới việc gìn giữ sự tồn tại lâu dài của di tích thì phát huy giá trị lại giúp di tích tiếp tục sống trong nhận thức cộng đồng, góp phần giáo dục truyền thống, bồi dưỡng bản sắc văn hóa và tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Theo quy định tại Điều 26 Luật Di sản văn hóa 2024 quy định hoạt động phát huy giá trị di tích bao gồm:

- Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa về giá trị di tích; ứng dụng khoa học, công nghệ vào việc phát huy giá trị di tích.
- Tuyên truyền, giáo dục, quảng bá, trưng bày, phổ biến, giới thiệu ở trong nước và nước ngoài về vai trò, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích.
- Hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách tham quan.
- Tổ chức hoặc liên doanh, liên kết tổ chức hoạt động du lịch, dịch vụ phục vụ công chúng tham quan, nghiên cứu, học tập tại di tích.
- Phát triển sản phẩm, dịch vụ và tạo điều kiện để cộng đồng trên địa bàn có di tích tham gia phát triển sản phẩm, dịch vụ liên quan đến di tích.
- Nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện vật gắn với giá trị di tích.
- Hoạt động văn hóa ở di tích; tổ chức thực hành, trình diễn, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể gắn với di tích.
- Trưng bày, triển lãm lưu động bên ngoài phạm vi di tích.
- Hoạt động phát huy giá trị di tích khác theo quy định của pháp luật.

Tiểu kết chương 1

Di tích lịch sử - văn hóa luôn giữ một vai trò rất quan trọng đối với mỗi dân tộc, phản ánh chân thực quá trình hình thành, phát triển và những đặc trưng văn hóa cốt lõi của cộng đồng qua các thời kỳ lịch sử. Các di tích lịch sử - văn hóa này không chỉ tồn tại dưới dạng công trình xây dựng, địa điểm hay di vật mà còn là nhân chứng sống mang trong mình linh hồn của dân tộc, giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng nhận thức và bồi đắp lòng tự tôn dân tộc cho các thế hệ ngày nay và mai sau.

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ hướng tới các giá trị bền vững nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai về việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hóa gắn với hoạt động du lịch. Mỗi quan hệ giữa các di tích và phát triển du lịch là sự tương tác biện chứng; nếu di tích là chất liệu quý để tạo ra các sản phẩm du lịch độc đáo và định vị thương hiệu quốc gia trên bản đồ thế giới, thì phát triển du lịch bền vững là cách cung cấp nguồn lực tài chính tái đầu tư cho công tác trùng tu, tôn tạo và hồi sinh các di tích đang dần mai một. Tuy nhiên, để giá trị nguyên bản không bị ảnh hưởng và biến dạng, việc bảo tồn phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc giữ gìn yếu tố gốc và bảo vệ không gian cảnh quan vùng đệm.

Như vậy, bảo tồn và phát huy giá trị di tích theo hướng bền vững không chỉ là sứ mệnh giữ gìn bản sắc dân tộc mà còn là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển một cách nhân văn và trách nhiệm.

Chương 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA TẠI XÃ ĐẠI HOÀNG, TỈNH NINH BÌNH

2.1. Khái quát về xã Đại Hoàng

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ba xã Gia Phương, Gia Trung và Tiến Thắng theo Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15. Theo Công thông tin điện tử UBND xã Đại Hoàng, sau sáp nhập xã có diện tích tự nhiên 23,75 km², dân số 23.848 người, gồm 31 thôn, xóm [23].

Về vị trí địa lý, xã Đại Hoàng có phía Đông giáp xã Gia Vân, phía Tây giáp xã Gia Phong, phía Nam giáp phường Tây Hoa Lư và phía Bắc giáp xã Gia Viễn. Xã nằm trên Quốc lộ 37C, quốc lộ 21C (đường Bái Đính - Ba Sao) và cũng là nơi có sông Hoàng Long chảy qua. Đại Hoàng là vùng đất cổ bên sông Hoàng Long, nơi đây có làng Đại Hữu quê hương của Vua Đinh Tiên Hoàng và làng Diêm Xá là nơi sinh ra Đức thánh Nguyễn [24]. Trong không gian tự nhiên của tỉnh Ninh Bình và khu vực Gia Viễn trước đây, địa bàn này thuộc vùng có sự đan xen giữa đồng bằng nông nghiệp, hệ thống sông ngòi và yếu tố bán sơn địa, tạo nên cảnh quan tương đối đa dạng. Đây là điều kiện thuận lợi để hình thành môi trường cư trú lâu đời, lưu giữ các giá trị lịch sử - văn hóa và phát triển các hoạt động du lịch gắn với di tích trên địa bàn xã.

2.1.2. Điều kiện kinh tế- xã hội

* Điều kiện kinh tế - xã hội

Kinh tế của xã Đại Hoàng hiện nay vẫn dựa chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp, đồng thời có sự chuyển động theo hướng mở rộng thương mại - dịch vụ và kinh doanh hộ gia đình.

Theo báo cáo giao ban quý I năm 2026 của UBND xã, tổng diện tích gieo cấy lúa vụ Đông Xuân trên địa bàn đạt 1.246,7 ha; hoạt động chăn nuôi và thủy sản được duy trì ổn định; lĩnh vực thương mại - dịch vụ tiếp tục có chuyển biến tích cực với 32 hộ đăng ký kinh doanh mới. Cùng với đó, công tác giảm nghèo

đạt kết quả nhất định khi tỷ lệ hộ nghèo còn 2,21% và hộ cận nghèo còn 1,52%. Kết quả này cho thấy đời sống kinh tế - xã hội của địa phương nhìn chung ổn định, tạo nền tảng thuận lợi cho việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia gắn với phát triển du lịch bền vững. Đây là bước chạy đà quan trọng để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Đại Hoàng phấn đấu hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

* Truyền thống văn hóa

“Đại Hoàng” từng là tên gọi hành chính cổ xưa, ghi dấu ấn sâu đậm trong dòng chảy lịch sử của vùng đất này. Nằm hiền hòa bên bờ sông Hoàng Long hiền hòa, đây được coi là vùng đất "địa linh nhân kiệt", nơi tụ hội linh khí của sông núi Ninh Bình. Trong đó, làng Đại Hữu chính là quê hương và là nơi đặt lăng phát tích của vua Đinh Tiên Hoàng - người có công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất giang sơn và khai sinh ra nhà nước Đại Cồ Việt.

Trong bối cảnh phát triển mới, xã Đại Hoàng ngày nay được thành lập dựa trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích và dân cư của 3 xã tiền thân là Tiến Thắng, Gia Phương và Gia Trung. Quyết định sử dụng danh xưng "Đại Hoàng" không chỉ là một sự thay đổi về mặt hành chính, mà còn mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc nhằm đánh thức và lưu giữ những giá trị văn hóa lịch sử vô giá. Tên gọi này gắn liền với giá trị lịch sử thiêng liêng của triều đại nhà Đinh, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, đồng thời tạo nên sợi dây liên kết tinh thần bền chặt, cổ vũ sự gắn kết của nhân dân địa phương trên hành trình xây dựng quê hương.

Xã Đại Hoàng là vùng đất có bề dày lịch sử và truyền thống văn hóa lâu đời, gắn với nhiều nhân vật, sự kiện và dấu tích quan trọng của lịch sử dân tộc. Trên địa bàn xã hiện nay có 9 di tích lịch sử - văn hóa được công nhận, trong đó có 4 di tích cấp quốc gia và 5 di tích cấp tỉnh, nổi bật là đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền Thánh Nguyễn và nhà thờ - mộ Nguyễn Bặc. Đây đều là những di tích có giá trị lịch sử - văn hóa nổi bật, phản ánh chiều sâu truyền thống của địa phương qua nhiều thời kỳ. Trong dân gian vẫn lưu truyền câu “Đại Hữu sinh Vương, Diềm Dương sinh Thánh”, qua đó cho thấy Đại Hoàng từ lâu đã được nhìn nhận là vùng đất địa linh, gắn với vua Đinh Tiên Hoàng và Thiền sư Nguyễn Minh Không. Sự

hiện diện của các di tích này đã góp phần tạo nên bản sắc văn hóa riêng cho địa phương, đồng thời trở thành cơ sở quan trọng để giáo dục truyền thống lịch sử, tinh thần uống nước nhớ nguồn và niềm tự hào về quê hương cho các thế hệ.

Bên cạnh hệ thống di sản văn hóa vật thể, truyền thống văn hóa của xã Đại Hoàng còn được thể hiện qua đời sống tín ngưỡng và sinh hoạt lễ hội khá phong phú. Tiêu biểu là lễ hội đền Thánh Nguyễn, một di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, gắn với việc tưởng niệm và tôn vinh Đức Thánh Nguyễn Minh Không, vị Quốc sư triều Lý có ảnh hưởng lớn trong đời sống tâm linh và y học dân gian. Ngoài ra, tại địa phương còn duy trì các hoạt động tế lễ, dâng hương, giỗ và sinh hoạt cộng đồng tại các điểm di tích, qua đó góp phần bảo lưu phong tục truyền thống và tăng cường sự gắn kết giữa cộng đồng dân cư với di sản của quê hương.

2.2. Giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng

2.2.1. Giá trị cảnh quan

Giá trị cảnh quan là một phương diện quan trọng làm nên sức hấp dẫn của các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia trên địa bàn xã Đại Hoàng như đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền Thánh Nguyễn và nhà thờ - mộ Nguyễn Bắc đều tồn tại trong một không gian làng quê Bắc Bộ truyền thống, gắn với môi trường cư trú lâu đời của cộng đồng địa phương. Sự kết hợp giữa yếu tố kiến trúc cổ, không gian tín ngưỡng, hệ thống cây xanh, đường xá, ruộng đồng và cảnh quan sinh thái vùng nông thôn đã tạo nên vẻ trang nghiêm, thanh tịnh và cổ kính cho di tích.

Tại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, giá trị cảnh quan trước hết nằm ở vị trí gắn với quê hương của vua Đinh Tiên Hoàng và trong tổng thể không gian văn hóa của vùng đất Đại Hoàng. Đây là nơi thờ duy nhất gọi tên húy của Vua, tọa lạc tại thôn Văn Bông, tạo nên nét riêng về cả giá trị lịch sử lẫn cảm nhận cảnh quan. Không gian quanh đền mang đậm sắc thái làng quê Bắc Bộ, góp phần làm nổi bật tính cổ kính, trang trọng và linh thiêng của công trình. Khi đặt trong mối liên hệ với các lễ hội lớn hàng năm tại địa phương, cảnh quan của đền còn trở thành không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng, nơi kết nối giữa yếu tố vật thể và đời sống tinh thần của cư dân bản địa.

Về không gian, đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng hiện nằm ở đầu thôn Văn Bồng trên một khu đất cao, diện tích gần 300m². Vị trí này tạo cho di tích thể đất tương đối thoáng và có sự tách biệt nhất định với không gian sinh hoạt dân cư xung quanh. Phía trước đền cách khoảng 200m là gò Bồ Đề, nơi tương truyền là nền nhà cũ của vua Đinh Tiên Hoàng, còn phía sau di tích tiếp giáp với đường làng và gần khu dân cư. Vị trí này cho thấy đền vừa gắn với môi trường cư trú truyền thống của cộng đồng, vừa lưu giữ mối liên hệ chặt chẽ với các địa danh lịch sử liên quan đến thân thế của vua Đinh. Chính yếu tố đó làm cho không gian của di tích mang đậm chiều sâu lịch sử và tạo nên cảm giác linh thiêng, cổ kính.

Cảnh quan phía trước đền được tổ chức khá rõ nét theo cấu trúc hình chữ Đinh, một bố cục tiêu biểu trong kiến trúc thờ tự truyền thống. Trước nghi môn ngoại là một khoảng sân rộng và theo như lời kể của bác Đào Văn Duy - thủ từ đền Văn Bồng, từ thời xưa, phía trước đền thờ có nhánh sông chảy qua, tuy nhiên sau này qua quá trình phát triển của quê hương, người ta đã ngăn dòng để xây dựng nhà cửa. Có thể thấy đây là kiểu kiến trúc truyền thống của làng quê Bắc Bộ truyền thống gắn liền với hình ảnh cây đa, bến nước, sân đình. Trong sân đền là hồ bán nguyệt, phía trong hồ là hai cột đồng trụ được xây đối xứng, tạo thành lối ra vào trung tâm của di tích, phía trước hồ là bức bình phong, 2 bên có nghệ đá chầu. Nghi môn nội gồm các cột trụ, 2 bên cột trụ chính có khắc các câu đối tại các mặt của cột, trên đỉnh mỗi cột được chạm khắc hình những con lân đang ngồi uy nghi và những con phượng đang tung cánh, đầu hướng về bốn hướng. Có thể thấy cách bố trí này vừa tạo sự cân đối về mặt cảnh quan, vừa tăng thêm vẻ uy nghi và trang trọng cho công trình.

Đối với đền Thánh Nguyễn, giá trị cảnh quan được thể hiện khá rõ ở sự hài hòa giữa công trình kiến trúc với không gian văn hóa tâm linh xung quanh. Đền Thánh Nguyễn nằm trên một khoảng đất hình chữ nhật, cao hơn so với khu thổ cư và thổ canh xung quanh, vì vậy tạo được thể nền khá đẹp và cảm giác tôn nghiêm cho toàn bộ công trình. Phía Nam và Tây Nam của đền gần sông Hoàng Long; ngoài ra còn có một con sông nhỏ mà người dân địa phương gọi là cửu khúc

chạy sát phía trước rồi uốn lượn quanh khu vực đền. Thế đất ấy đã tạo nên không gian sơn thủy hữu tình, mang sắc thái linh thiêng của một nơi thờ tự lâu đời.

Di tích nằm ở vị trí trung tâm khu dân cư, song vẫn giữ được khoảng không gian riêng tương đối ổn định. Phía Tây và Tây Nam, cách đền khoảng 3 đến 4 km là các dãy núi đá với nhiều hình thù đẹp, tạo nên vẻ tự nhiên làm tăng giá trị cảnh quan cho di tích. Tài liệu địa phương còn mô tả khu vực này bằng cụm từ “tượng sơn chung đục, ngưng thủy trường thanh”, qua đó cho thấy từ lâu nơi đây đã được nhìn nhận như một vị trí có địa thế đẹp, hội tụ cả yếu tố núi và nước. Không gian ấy góp phần lý giải vì sao đền Thánh Nguyễn từ lâu đã trở thành trung tâm tín ngưỡng và là một điểm nhấn văn hóa của địa phương. So với nhiều di tích, đền Thánh Nguyễn có lợi thế về chiều sâu cảnh quan, bởi vẻ đẹp của công trình luôn được nâng đỡ bởi hệ thống sông nước, núi non và thế đất rộng thoáng xung quanh, tạo nên cảnh quan vô cùng hài hòa.

Đền có quy mô lớn và bố cục khá chặt chẽ. Di tích quay hướng nam, hơi chệch tây, được dựng trên khu đất dài khoảng 100m, rộng trên 40m. Tổng thể công trình được tổ chức theo chiều sâu, từ ngoài vào trong là hệ thống tường bao, bình phong, cổng phụ, sân gạch, các công trình phụ và khu thờ chính, tạo nên cảm giác trùng trùng lớp lớp và rất rõ tính tôn nghiêm của một ngôi đền lớn. Sự sắp xếp ấy cho thấy tư duy tổ chức không gian rất bài bản của người xưa, trong đó từng bộ phận đều có chức năng riêng nhưng vẫn hòa hợp trong một chỉnh thể thống nhất. Hệ thống sân gạch, đường đi và các hạng mục phụ trợ của đền cũng cho thấy sự quy củ trong bố cục mặt bằng. Phía trước đền có sân gạch trước cửa tam quan, sân trước Tiền đường, các sân hai bên đông – tây, sân hậu, đường vào hai bên tả hữu và hệ thống lối đi ghép đá. Tất cả đều được sắp xếp có chủ ý để phân chia từng lớp không gian theo cấp độ trang trọng khác nhau. Bên cạnh đó, ở hai phía đông - tây còn có hệ thống công trình phụ gồm hành lang, nhà trù, gian thờ quan giám, được bố trí vừa phải để hỗ trợ cho công trình chính mà không lấn át kiến trúc trung tâm.

Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc hiện nằm trên địa bàn thôn Vĩnh Ninh, gần với vùng quê được xem là nơi sinh ra và trưởng thành của Nguyễn Bặc. Nhà thờ được

dựng trên phần đất tổ tiên để lại, quay hướng tây, nhìn ra sông Hoàng Long. Dòng sông này uốn khúc phía trước tạo nên thế đất khá đẹp, đồng thời làm tăng thêm vẻ cổ kính và chiều sâu phong thủy cho di tích. Trong không gian, đây là một khu thờ tự có sự gắn bó chặt chẽ với môi trường tự nhiên xung quanh, nhất là yếu tố sông nước và núi đồi, qua đó góp phần tạo nên sắc thái tĩnh lặng và trang nghiêm.

Không gian của khu mộ Nguyễn Bặc nằm ở cánh đồng chùa, trên gò Con Cá, lấy dãy núi phía bắc làm hậu chẩm và sông Hoàng Long phía nam làm tiền án. Cách mô tả ấy cho thấy từ lâu phần mộ đã được đặt trong một thế đất được con cháu và cộng đồng nhìn nhận là có khí thiêng, phù hợp với vị thế của một nhân vật lịch sử lớn. Hai câu đối lưu truyền trong dòng họ về núi cao phía bắc và dòng nước phía nam càng làm rõ hơn quan niệm coi đây là một không gian linh thiêng, hội tụ sinh khí. Khu vực lăng mộ chính của ngài được xây dựng hoàn toàn bằng đá, trên bia mộ có khắc “Thái Tể Định Quốc Công Triều Định (924- 979)”, ở phía sau có 1 tấm bia đá khắc tiểu sử và cuộc đời của ngài với 2 câu đối bằng chữ Hán “Vạn đại thụ thừa thiên tổ phúc- Toàn gia hòa hợp tử tôn vinh”, với ý nghĩa như một lời nhắc nhở con cháu đời sau phải luôn giữ gìn gia phong và lòng biết ơn đối với bậc tiền nhân. Ngoài ra, bên cạnh lăng mộ của Định Quốc Công Nguyễn Bặc là mộ phần của người phụ nữ họ Đào, trước kia được an táng trên cùng gò đất với ngài, tuy nhiên sau khi lăng mộ được sửa chữa, tôn tạo, mộ phần của bà vẫn được giữ lại bên cạnh mộ của ngài cho đến ngày nay.

Như vậy, giá trị cảnh quan gắn với sự trầm mặc, tôn nghiêm của một khu di tích tưởng niệm danh nhân lịch sử, tạo cảm giác linh thiêng và sâu lắng, phù hợp với chức năng thờ tự, tri ân, tưởng niệm bậc tiền nhân.

2.2.2. Giá trị lịch sử

Lịch sử là phương diện nổi bật nhất của hệ thống di tích lịch sử- văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng, bởi các di tích này gắn trực tiếp với những nhân vật tiêu biểu của buổi đầu dựng nước, vì vậy chúng vừa là nơi lưu giữ ký ức lịch sử của địa phương, vừa phản ánh những dấu mốc quan trọng trong tiến trình lịch sử dân tộc. Thông qua các di tích còn tồn tại đến ngày nay, quá khứ được hiện diện

một cách cụ thể hơn trong không gian sống của cộng đồng, giúp thế hệ sau có điều kiện nhận diện rõ hơn vai trò của vùng đất Đại Hoàng trong lịch sử Việt Nam.

Trước hết, đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng mang giá trị lịch sử sâu sắc vì đây là di tích gắn với quê hương của vua Đinh và được giới thiệu là nơi thờ duy nhất gọi tên húy của Vua tại thôn Văn Bông, xã Đại Hoàng. Giá trị ấy làm cho di tích vượt ra ngoài ý nghĩa thờ tự thông thường, trở thành một địa chỉ lịch sử đặc biệt để tưởng nhớ người có công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước và đặt nền móng cho nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

Vào thời niên thiếu của Đinh Bộ Lĩnh, đất nước ta đã rơi vào cảnh “nồi da nấu thịt”. Khi Ngô Quyền mất (944), trong triều đình xảy ra nhiều mâu thuẫn, lợi dụng tình hình này, các thế lực nổi dậy mỗi người hùng cứ một phương, dẫn đến loạn 12 sứ quân. Trong 12 sứ quân, thấy Trần Lãm là người có đức độ hơn cả, Đinh Bộ Lĩnh liên kết với ông để tăng cường thêm thế lực. Sau khi Trần Lãm mất, ông đã trở thành người đứng đầu một lực lượng vũ trang hùng mạnh. Đinh Bộ Lĩnh đã vượt qua rất nhiều khó khăn và lần lượt đánh bại các sứ quân. Do đánh đầu thắng đầy nên ông có tên hiệu là “Vạn Thắng Vương”, cuối năm 967, loạn 12 sứ quân đã được dập tắt, giang sơn thu về một mối. Năm 968 ông lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt. Năm 969 phong con trai trưởng là Đinh Liễn làm Nam Việt vương, năm 970 đặt tên nước hiệu là Thái Bình, năm 971 phong Nguyễn Bặc giữ chức Định Quốc Công. Đặc biệt vào năm 979, theo truyền lại, vua Đinh Tiên Hoàng cùng với con trai là Đinh Liễn bị Đỗ Thích sát hại vào năm 979, theo nghi lễ triều đình đã tán phong thụy hiệu, mỹ tự về quê để lập đền thờ cúng. Có thể thấy, đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (đền Văn Bông) đã được xây dựng từ rất lâu đời, hiện nay phần còn lại của di tích mang phong cách kiến trúc thời Nguyễn. Bên cạnh đó, ngoài việc thờ vua Đinh Tiên Hoàng, nơi đây còn thờ hai trong tứ trụ triều Đinh là Đinh Điền và Nguyễn Bặc, là những bậc khai quốc công thần của triều đình, có công đầu trong việc dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất đất nước đưa Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế [5, tr.3-5].

Việc di tích hiện diện ngay trên vùng đất gắn với thân thể của vua càng làm tăng ý nghĩa lịch sử của công trình, bởi nơi đây vừa lưu dấu ký ức về một nhân vật kiệt xuất, vừa khẳng định vị thế của xã Đại Hoàng trong không gian văn hóa-lịch sử thời kỳ nhà Đinh.

Nếu đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng gợi nhắc về vai trò của vị hoàng đế khai sáng triều Đinh, thì nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc lại làm nổi bật giá trị lịch sử từ góc độ ghi nhớ công lao của một bậc khai quốc công thần. Theo thông tin gia phả dòng họ Nguyễn, Nguyễn Bặc là người có công giúp Đinh Tiên Hoàng đánh dẹp, chấm dứt tình trạng cát cứ và được phong tước Định Quốc công, giữ vị trí rất quan trọng trong triều đình nhà Đinh. Bởi vậy, nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc không chỉ là nơi thờ cúng và tưởng niệm một nhân vật lịch sử lớn, mà còn là di tích giúp hậu thế hình dung rõ hơn về đội ngũ công thần đã góp phần xây dựng chính quyền trung ương tập quyền ở thế kỷ X.

Sử cũ cho biết Nguyễn Bặc quê ở động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, cùng quê với Đinh Bộ Lĩnh, nay thuộc xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình. Ông sinh năm 924, lúc thiếu thời Nguyễn Bặc cùng với Đinh Bộ Lĩnh tập trận cờ lau, về sau, Đinh Bộ Lĩnh hợp nhất với quân Trần Lãm ở Cửa Bô (Thái Bình) và cùng Nguyễn Bặc, Đinh Điền tiến lên dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước. Sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, phong chức tước cho các quan văn võ, Nguyễn Bặc là người có công đầu, được phong chức Định Quốc Công, một chức quan đầu triều lúc đó, ông cũng có công lớn trong việc xây dựng quân đội vững mạnh cho đất nước.

Tuy nhiên, vào tháng 10 năm 979 viên quan hậu Đỗ Thích đêm nằm mơ thấy sao rơi vào miệng, cho đó là điềm làm vua, sau đó Đỗ Thích đã vào cung sát hại vua Đinh cùng người con cả Đinh Liễn, sau đó trốn lên máng nước, ba ngày sau Đỗ Thích giơ tay hứng nước mưa bị các cung nữ phát hiện, Nguyễn Bặc, Đinh Điền đã đem Đỗ Thích ra xử tội cực hình. Sau đó triều đình suy tôn người con thứ ba là Đinh Toàn mới có 6 tuổi lên ngôi hoàng đế, Lê Hoàn nhiếp chính tự xưng là phó vương. Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp đã nghi ngờ Lê Hoàn nên đã cùng nhau chia làm hai hướng thủy bộ tiến về kinh đô Hoa Lư, định ám sát Lê Hoàn.

Nhưng Đinh Điền đã bị Lê Hoàn giết tại trận, Nguyễn Bặc bị bắt, đem về kinh đô Hoa Lư xử tội, Phạm Hạp chạy về hướng cát lợi ở Bắc Giang. Theo truyền thuyết, Nguyễn Bặc bị hành quyết ở ven bờ sông Chanh, tương truyền là nơi hành dinh của ông. Sau đó, con cháu Nguyễn Bặc đã bí mật đưa linh cữu của ông về quê chôn cất tại gò Con Cá, cánh đồng chùa thôn Vĩnh Ninh (nay thuộc xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình). Việc ông chống lại Lê Hoàn là việc làm theo đạo lý của người Việt, vì tình bạn, nghĩa vua tôi với vua Đinh, từ đó có thể thấy Nguyễn Bặc không chỉ là một vị tướng tài ba, mà ông còn là người có lòng trung quân, ái quốc [11, tr.3].

Bên cạnh đó, đền Thánh Nguyễn mang giá trị lịch sử riêng vì gắn với Thiền sư Nguyễn Minh Không - vị Quốc sư được nhân dân tôn kính như một danh nhân văn hóa và nhân vật có ảnh hưởng lớn trong đời sống tâm linh dân tộc. Vào thời kỳ nhà Lý, gia đình ông Nguyễn Sùng ở xứ Bền Phương đã sinh được một con trai, đặt tên là Nguyễn Chí Thành. Lớn lên, sau khi cha mẹ qua đời và làm tròn việc hiếu, ông đã đi tìm thầy học đạo, học xong ông đã đổi hiệu là Minh Không, về dựng chùa Viên Quang tại quê nhà, ngoài ra, ông còn lập chùa ở quê mẹ tại Hải Dương và về Giao Thủy dựng chùa Keo. Nhiều ngọc phả, văn bia còn nói việc Nguyễn Minh Không đi quyên góp đồng đúc chuông, có những quả chuông lớn thông thủy tới 20 thước, đánh lên làm chấn động cả nước Tống. Không những thế, ông còn là một vị thầy thuốc nổi tiếng, thư tịch đã từng ca ngợi công lao chữa bệnh hoả hử cho vua Lý Thần Tông, và sau khi ông mất, vua nhà Lý đã phong cho ông là Quốc Pháp thiền sư.

Trước kia, đền Thánh Nguyễn là chùa Viên Quang thờ Phật, nhưng vì địa phương trước đây cho rằng nơi là nền nhà cũ của ông nên đã lập chùa ở nơi khác và dành riêng nơi nhà cũ để thờ ông. Sau này, do việc rút gọn nơi thờ tự nên Nhân dân mới chuyển chùa về dãy nhà Trù phía tây toà chính tẩm để thờ Phật. Ngoài ra, đền Thánh Nguyễn còn thờ Thái úy Tô Hiến Thành (1102 - 1179) là một vị đại thần, danh tướng văn võ toàn tài nổi tiếng chính trực dưới triều vua Lý Anh Tông và Lý Cao Tông. Ông quê tại làng Hạ Mỗ (nay thuộc Đan Phượng, Hà Nội), có công dẹp loạn, giữ yên bờ cõi. Sở dĩ nơi đây thờ ông là do bố đẻ ông là Tô Trung Công làm quan lệnh doãn phủ Trường Yên đã cùng vợ về đây cầu tự và sau

sinh ra ông. Đền Thánh Nguyễn còn là nơi đầu tiên kéo cờ đỏ sao vàng để đi cướp chính quyền huyện vào tháng 8 năm 1945, sau đó nơi đây còn là căn cứ địa của cuộc kháng chiến chống Pháp cứu nước [6, tr.2].

Giá trị lịch sử của đền không chỉ nằm ở niên đại hay sự tồn tại lâu dài của di tích, mà còn ở việc nơi đây đã lưu giữ những ký ức về một nhân vật có đóng góp đặc biệt trong lịch sử, đồng thời cho thấy sự tiếp nối truyền thống lịch sử của Đại Hoàng từ thời kỳ nhà Đinh sang thời kỳ nhà Lý.

Có thể thấy, các di tích ở xã Đại Hoàng không tồn tại rời rạc, mà hợp thành một chỉnh thể lịch sử có tính liên kết chặt chẽ, một bên là di tích gắn với vua Đinh Tiên Hoàng, một bên là di tích thờ Nguyễn Bặc- công thần khai quốc của triều Đinh, và bên còn lại là di tích thờ Đức Thánh Nguyễn Minh Không- nhân vật tiêu biểu thời Lý. Sự hiện diện đồng thời của các di tích này trên cùng một địa bàn cho thấy Đại Hoàng là vùng đất vừa lưu dấu và phản ánh sự tiếp nối của truyền thống văn hóa- chính trị qua các triều đại từ đầu thế kỷ X- XII. Chính sự tiếp nối và liên kết đó đã tạo cho hệ thống di tích nơi đây những giá trị lịch sử toàn diện, vượt lên phạm vi của từng công trình riêng lẻ.

2.2.3. Giá trị tâm linh

Di tích không chỉ được nhìn nhận như dấu tích vật chất của quá khứ, mà còn là nơi gửi gắm niềm tin, lòng thành kính và ý thức hướng về cội nguồn của cộng đồng cư dân địa phương. Chính sự gắn bó bền chặt giữa di tích với đời sống tín ngưỡng đã làm cho các công trình ấy luôn hiện diện trong sinh hoạt tinh thần hằng ngày, từ việc thắp hương, tế lễ đến những dịp lễ hội lớn trong năm. Vì vậy, giá trị tâm linh của hệ thống di tích ở Đại Hoàng được hình thành từ các nhân vật được thờ phụng, nghi lễ truyền thống và cảm thức thiêng liêng đã được cộng đồng bồi đắp qua nhiều thế hệ.

Đối với đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, giá trị tâm linh gắn liền với lòng tôn kính dành cho vị vua có công thống nhất đất nước và mở nền chính thống đầu tiên của dân tộc. Di tích này được địa phương tổ chức dâng hương vào những dịp rất trang trọng, trong đó có lễ kỷ niệm ngày Đinh Tiên Hoàng đế băng hà. Hàng năm, vào dịp lễ hội Vua Đinh ở Cổ đô Hoa Lư, các di tích thờ Vua và các nhân vật thời

Đình cùng tham gia nghi lễ rước kiệu, rước chân nhang về Hoa Lư, cho thấy đền thờ ở Đại Hoàng có mối liên hệ tâm linh chặt chẽ với không gian thờ tự rộng lớn tại Ninh Bình. Nhờ vậy, di tích này vừa là nơi nhân dân địa phương thực hành tín ngưỡng tưởng niệm tiền nhân, vừa là điểm nối giữa cộng đồng cơ sở với truyền thống thờ phụng mang tầm vóc lịch sử của cả vùng đất Cố đô.

Trong khi đó, nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc lại gợi nên một sắc thái tâm linh sâu lắng và trang nghiêm hơn. Các hoạt động dâng hương tưởng niệm ngày mất của Định Quốc công Nguyễn Bặc được tổ chức với sự tham gia của chính quyền, đại diện dòng họ và đông đảo Nhân dân, thể hiện sự tri ân đặc biệt đối với một vị khai quốc công thần triều Đinh. Ngoài ra, vào dịp thanh minh và ngày giỗ ông cũng là dịp để con cháu khắp nơi trở về nhà thờ tổ để thắp hương, hướng về cội nguồn. Khói hương, nghi thức tưởng niệm và không khí thành kính tại khu di tích cho thấy nơi đây đã trở thành một địa chỉ tâm linh quan trọng, nơi cộng đồng gửi gắm đạo lý uống nước nhớ nguồn và tôn vinh công lao của các bậc tiền nhân.

Trong số các di tích tiêu biểu của xã, đền Thánh Nguyễn là nơi thể hiện rất rõ chiều sâu tâm linh của địa phương. Theo thông tin chính thức của xã Đại Hoàng, lễ hội đền Đức Thánh Nguyễn diễn ra từ ngày 8 đến ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm, với các nghi thức như rước nước từ sông Hoàng Long cổ về đền, tế nam quan, nữ quan và nhiều nghi lễ truyền thống khác. Bản thân hệ thống nghi thức ấy cho thấy ngôi đền không chỉ là nơi tưởng niệm Thiền sư Nguyễn Minh Không, mà còn là trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng có sức quy tụ lớn đối với Nhân dân trong vùng. Việc lễ hội đền Thánh Nguyễn được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2024 càng khẳng định rằng giá trị tâm linh của di tích này đã vượt ra ngoài phạm vi một làng hay một xã, trở thành bộ phận có ý nghĩa trong đời sống văn hóa tín ngưỡng tỉnh Ninh Bình và vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Từ đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền Thánh Nguyễn đến nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc, mỗi công trình thờ tự những người khác nhau nhưng đều có một đặc điểm chung: lòng tri ân bậc tiền nhân và tôn kính những anh hùng có công với dân tộc. Sự gắn kết chặt chẽ này đã tạo nên một sợi dây liên kết vô hình nhưng bền bỉ, nơi các di tích không chỉ là những kiến trúc cổ kính mà còn là không gian

lưu giữ những giá trị tâm linh sâu sắc. Ở đó, không chỉ ghi dấu niên đại mà còn thấm đẫm hồn cốt dân tộc được vun đắp qua nhiều thế hệ.

2.2.4. Giá trị nghệ thuật

Giá trị nghệ thuật của các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng được thể hiện rõ nét qua kết cấu kiến trúc và trang trí kiến trúc truyền thống còn lưu giữ trên từng công trình. Đây là lớp giá trị khiến di tích vượt ra ngoài chức năng thờ tự, tưởng niệm đơn thuần, trở thành những sản phẩm văn hóa vật chất phản ánh trình độ thẩm mỹ, tay nghề thủ công và quan niệm về nghệ thuật của người xưa. Giá trị nghệ thuật tại ba di tích được thể hiện rõ nét qua kiến trúc và trang trí kiến trúc.

Về kiến trúc, đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng gồm ba tòa chính là Tiền bái, Trung đường và Hậu cung, trong đó Tiền bái và Trung đường tạo thành dạng chữ nhị, tiếp giáp phía sau là Chính cung theo kiểu chuôi vò. Đây là kiểu bố cục khá quen thuộc trong kiến trúc đền truyền thống ở đồng bằng Bắc Bộ, thể hiện sự phân chia không gian thờ tự theo chiều sâu, đồng thời bảo đảm tính tôn nghiêm trong tổ chức mặt bằng. Tổng thể kiến trúc đền cho thấy công trình đã được xây dựng theo một quy mô tương đối hoàn chỉnh, có sự liên kết chặt chẽ giữa các hạng mục và vẫn giữ được dáng vẻ của một ngôi đền cổ thờ nhân vật lịch sử. Phần kiến trúc còn lại hiện nay chủ yếu mang phong cách thời Nguyễn, vì vậy giá trị của công trình không chỉ nằm ở đối tượng thờ tự mà còn ở diện mạo kiến trúc truyền thống còn được bảo lưu.

Trong các đơn nguyên kiến trúc, tòa Tiền bái là bộ phận có quy mô khá rõ và giàu giá trị nghệ thuật. Công trình gồm 5 gian, kiến trúc theo lối chồng rường, lòng nhà dài 13m, rộng 6m. Hệ thống kết cấu của Tiền bái gồm 6 vì kèo, mỗi vì có 2 cột quân và 2 cột cái, tạo nên khung chịu lực vững chắc cho toàn bộ gian nhà. Hai đầu hồi được xây bít đốc, phía trước hai gian ngoài có tường xây với ô thông phong hình chữ thọ, trong khi phía sau để trống, tạo sự thông thoáng cho không gian nội thất. Đáng chú ý là toàn bộ đầu bẩy đều được chạm hoa văn lá lật, riêng gian giữa có chạm hình rồng; bờ nóc đắp nổi mô típ lưỡng long châu nguyệt, Ra ngoài bậc thềm có đôi rồng châu bằng đá tại 2 bên cửa và cột trụ 2 bên, cho thấy

rõ dấu ấn mỹ thuật truyền thống trong kiến trúc đền. Tòa Tiền bái được làm bằng gỗ lim, gạch thât, ngói nam và vôi vữa; theo thượng lương, công trình được dựng vào năm Tự Đức thứ 33 (1880). Những chi tiết này cho thấy Tiền bái vừa có giá trị về mặt kết cấu, vừa thể hiện rõ tay nghề của những người nghệ nhân xưa.

Liên sau Tiền bái là tòa Trung đường, gồm 3 gian, kiến trúc theo kiểu mê toàn, tức hệ thống hoành được đặt trên các mê kèo. Công trình có chiều dài 8,7m, rộng 3,5m, gồm 4 vì kèo; mỗi vì có một cột hiên, hai cột quân và hai cột cái. Cấu trúc này tạo cho Trung đường dáng vẻ gọn hơn Tiền bái nhưng vẫn giữ được sự cân đối với toàn bộ mặt bằng chung của đền. Về mặt trang trí, các đầu bẩy ở đây tiếp tục được chạm hoa văn lá lật, song đặc sắc hơn là ở phần mê kèo đầu đốc hai bên cửa hiên còn có mảng chạm bong đề tài tứ linh được thể hiện khá tinh vi. Chính những mảng chạm này làm tăng thêm giá trị nghệ thuật cho công trình, đồng thời phản ánh tư duy biểu tượng của kiến trúc thờ tự truyền thống. Theo tư liệu hồ sơ, tòa Trung đường được trùng tu vào năm Bảo Đại thứ 11 (1936). Phía trong cùng là Hậu cung, tiếp giáp với khoảng giữa của Trung đường và được mở rộng ra phía sau. Hậu cung có bề ngang 6,5m, chiều dài 5,6m, gồm 2 gian chính và 1 gian dĩ, kiến trúc theo kiểu thượng rường hạ mê.

So với Tiền bái và Trung đường, Hậu cung là không gian linh thiêng nhất trong toàn bộ công trình, nơi đặt tượng thờ và các khám, ngai thờ chính. Tượng vua Đinh Tiên Hoàng là một pho tượng có kích cỡ lớn về các chiều ở tư thế ngồi, đầu đội mũ bình thiên, mặc áo long bào. Long cung về phía ngoài chạm khắc phượng, hoa văn lá lật và đường triện, 4 góc long cung tạo thành 4 mái đao hình lá lật. Chu vi hình vòng bụng 1,50m, từ bệ ngồi lên đỉnh núi bình thiên cao 2m, long ngai rộng 1,4m, cao 1,6m, long cung cao 2,67m. Tượng được tạc bằng gỗ mít và long cung, long ngai được sơn son thếp vàng, đại diện cho kiến trúc tiêu biểu thời Nguyễn [5, tr.8].

Nếu đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng nổi bật ở nghệ thuật kết cấu và chạm khắc, thì nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc lại thể hiện giá trị nghệ thuật qua dáng vẻ thờ tự trang trọng của một công trình gắn với dòng họ và tưởng niệm danh nhân lịch sử. Nhà thờ từng được dựng lại khá bề thế vào năm Khải Định thứ 7, mang kiểu kiến

trúc tiền nhất hậu đình; phần Tiền đường 5 gian dùng gỗ xoan và mít, hệ vì kèo theo kiểu chông rường hạ kẻ; còn Trung đường 3 gian lại kết hợp giữa kẻ truyền và thượng rường, hạ kẻ. Chính sự đan xen các kiểu thức kết cấu đó cho thấy công trình mang dáng dấp tiêu biểu của kiến trúc truyền thống Việt Nam, đồng thời phản ánh sự khéo léo trong tổ chức không gian nội thất thờ tự. Hai gian bên của Trung đường dùng để thờ ông Nguyễn Tài Nông, bà cô tổ và các vị tổ tiếp theo, gian giữa treo bức hoành phi với ba chữ lớn “Khởi Nguyên Đường”, nhấn mạnh ý nghĩa đây là nơi mở đầu và quy tụ cội nguồn của dòng họ. Trên cột có các cặp câu đối “ Hoa Lư kết nghĩa anh hùng chúa - Đại Hữu ân khâm tướng Quốc công”, ca ngợi lòng trung thành, nghĩa tình từ thuở hàn vi giữa Nguyễn Bặc với Đinh Tiên Hoàng mà còn khẳng định niềm tự hào về vị thế Quốc công hiển hách, mang lại vinh quang cho dòng tộc, quê hương và cặp câu đối “ Cờ Việt Thiên khai chủ hữu anh hùng thần tráng liệt - Đại Hoàng địa tứ gia vi khởi tổ Quốc Nguyên Huân”, không chỉ khẳng định sứ mệnh của Nguyễn Bặc trong việc định hình nền độc lập tự chủ của quốc gia mà còn tôn vinh khí tiết tráng liệt và vị thế bậc nhất của ông - vị khai quốc nguyên huân, người đặt nền móng vẻ vang cho cả dân tộc lẫn dòng tộc. Cả hai cặp câu đối có ý nghĩa bổ trợ lẫn nhau, tạo nên một bức chân dung hoàn chỉnh về Nguyễn Bặc - một người bạn trung thành, một vị tướng dũng mãnh và một bậc "khai quốc công thần" của triều Đinh.

Còn ở gian chính giữa Hậu cung là nơi đặt bàn thờ Nguyễn Bặc, giữ vị trí trung tâm trong toàn bộ cấu trúc thờ tự, ngai ngai ngồi và tượng của ngài được làm bằng đồng có chạm khắc hoa văn tinh xảo với dáng ngồi uy nghi, đầu đội mũ chuồn cùng với thanh kiếm bên trong kháng thờ.

Phần kiến trúc chính của đền Thánh Nguyễn hiện còn gồm các tòa thờ thánh và gác chuông, được bố cục trên một trục dọc bắc - nam. Trong đó, bốn tòa thờ thánh được làm theo kiểu tiền nhất, hậu đình, tạo nên hệ thống kiến trúc trung tâm có giá trị cao cả về bố cục lẫn nghệ thuật. Chính tẩm gồm 5 gian, làm theo kiểu chông rường hồi, có mái đao, trụ non, xà đuôi chuột và bộ hoành tương đối đầy đủ. Xung quanh là hệ thống đầu lùa ván dong được bố trí hài hòa, trong khi phần mái ngói có độ dốc hợp lý, bờ nóc, con kìm, đầu nóc, bờ dải đều được kiến tạo

khá công phu. Ở hồi phía tây nổi bật là các đề tài chạm khắc tứ linh như long châu, lân ly vui đùa, còn hồi phía đông lại có những mảng chạm dân gian đặc sắc với hình ảnh người cưỡi voi, đôi nam nữ, cảnh tắm tiên hay cảnh người lễ bệ trên.

Liên với Chính tâm là Độ nhị cung và Bái đường, hai bộ phận hợp thành kiểu kiến trúc chữ công, giao mái khá mềm mại và khớp nối hài hòa. Ở khu vực này, các thành phần như bờ nóc, đầu cái, kìm nóc, ván che đầu hoành, bẩy tiền, bẩy hậu, tàu mái, cột cái, cột quân... đều được mô tả là vẫn giữ được phong cách kiến trúc dân tộc. Đáng chú ý hơn, nhiều chi tiết chạm khắc ở bức thuẫn giữa Độ nhị cung và Chính tâm, hay tại mặt tiền Bái đường, đã thể hiện khá rõ phong cách nghệ thuật thời Lê với các mô típ long châu, nghê châu, mây tán, hoa lá cách điệu.

Nằm phía sau Chính tâm và đứng biệt lập chính là gác chuông. Trong thư tịch, văn bia ký ở đây ghi: Bùi Văn Khuê tức Mỹ Quận công ở Tri Phong gần đây, là tướng của triều Lê. Năm Phúc Thái thứ 2 (1644) ông đã cho dỡ lầu “ngưng bích” của nhà Mạc ở Cao Bằng đem về đây dựng lập thành gác chuông chùa. Con của ông Bùi Văn Khuê là Bùi Khắc Lộng dưới triều Lê Chân Tôn (Phúc Thái năm thứ 5) cũng đã tiến cúng vào đây 37 mẫu 5 sào để dùng vào việc tu sửa tế tự. Gác chuông được làm theo kiểu chồng diêm tám mái, gồm 3 gian với 4 hàng cột gồm 16 chiếc, 12 cột quân đường kính 40 phân, còn 4 cột cái vững chắc vượt hẳn lên để nâng đỡ tầng trên. Hệ mái cong, góc đao, con kìm, bờ chảy và các họa tiết lá lật cách điệu tạo cho công trình này vẻ thanh thoát, mềm mại nhưng vững chắc.

Đền Thánh Nguyễn từ lâu đã khẳng định vị thế của một di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia tiêu biểu, gắn liền với truyền thống "Điềm Dương sinh Thánh". Giá trị của ngôi đền không chỉ nằm ở bề dày văn hóa mà còn hiện hữu rõ nét qua bố cục đền đài quy chuẩn và những thủ pháp nghệ thuật tinh xảo. Về tổng thể kiến trúc, công trình nổi bật với bốn tòa thờ Thánh được xây dựng theo kiểu nội công ngoại quốc, đây được coi là những hạng mục cốt lõi, kết tinh giá trị của cả hai lĩnh vực kiến trúc và điêu khắc. Trong đó, tòa Chính tâm năm gian gây ấn tượng mạnh bởi kết cấu chồng rường hồi bèn vững, hệ thống mái đại, trụ non và xà đuôi chuột được tính toán kỹ lưỡng. Đặc biệt, bộ hoành tròn và lá chắn đầu hoành vẫn được bảo tồn khá nguyên vẹn. Phần mái ngói không chỉ đảm bảo công năng thoát nước

với độ dốc hợp lý mà còn mang tính thẩm mỹ cao nhờ sự chế tác công phu ở bờ nóc, con kìm và bờ dải. Qua những đường gờ chỉ hay họa tiết hoa chanh cách điệu, ta có thể thấy rõ sự tài hoa và "chắc tay" của những nghệ nhân xưa. Đi sâu vào nghệ thuật điêu khắc, sự đối lập và giao thoa giữa hai phía hồi đền tạo nên một bức tranh tổng thể vừa uy nghiêm, vừa tràn đầy sức sống. Hồi phía Tây là nơi phô diễn bút pháp điêu khắc tứ linh kinh điển với các đề tài long châu, long ly vui đùa sinh động. Hồi phía Đông mở ra một không gian nghệ thuật dân gian độc đáo. Tại vị trí trung tâm phía trên xà hạ, những mảng chạm khắc mộc mạc nhưng đầy sức sống đã tái hiện sinh động đời sống con người bình dân như cảnh cưới voi, đôi nam nữ tự tình, hay bức tranh "tắm tiên" của bốn cô gái bên hồ sen. Những hình ảnh này không chỉ phản ánh ước vọng chân thành của nhân dân mà còn kín đáo thể hiện tinh thần đấu tranh mạnh mẽ [6, tr.3-5].

Sự tinh tế trong kỹ thuật chạm khắc còn được thể hiện qua hệ thống xối máng và cách lợp mái nhịp nhàng. Họa tiết hoa sen chạy dọc bờ nóc vừa tạo điểm nhấn thanh thoát, vừa giúp thoát gió và giảm trọng tải cho kết cấu bên trên. Sự kết hợp ăn ý giữa đầu cái, kìm nóc và hệ thống gờ chỉ trang trí đã tạo nên một tổng thể vừa chắc khỏe, vừa mềm mại. Đáng chú ý, hàng đầu lùa chạy quanh công trình dù đã có sự cách tân từ tròn sang vuông để tạo sự cân đối, song vẫn giữ vững phong cách kiến trúc dân tộc.

Sự giao thoa giữa các thời đại chính là điểm nhấn đặc biệt tại nơi đây, những họa tiết long châu, nghê châu mang phong cách thế kỷ XVII xuất hiện dày đặc trên xà ngang, xà nách và ván bụng, tạo nên một không gian huyền ảo với hình ảnh mây tán thời Lê. Tại Bái đường, các đề tài "lưỡng long châu nguyệt" hay "châu lá đề" được chạm khắc theo phong cách Hậu Lê. Tiếp nối mạch cảm xúc đó, năm gian Tiền đường là sự hội tụ của nghệ thuật điêu khắc tứ linh công phu, nơi những trục buông và đồ ngang được sắp xếp hài hòa như những bức cửa võng mà không gây rối mắt. Cuối cùng, điểm độc đáo nhất phải kể đến hai mảng chạm ở đầu hồi Đông và Tây nơi hai hiệp thợ cùng đua tài. Mặc dù có những nét riêng biệt trong thủ pháp, song cả hai đều đạt đến sự phong phú bậc nhất với bố cục ba khuông rõ rệt từ những cụm đầu hoa lá ở dưới đến cảnh tiên bay giữa làn mây tỏa

trùng điệp ở trên. Thêm vào đó, hệ thống "tay đua" ở chân mái tòa Thượng vươn ra song song không chỉ có tác dụng che chở cho dãy hành lang con tiện mà còn là nơi gửi gắm những hình tượng giàu cảm xúc như rồng ấp ủ bầy nghê, tạo nên một kết thúc trọn vẹn và đầy tính nhân văn cho toàn bộ công trình. Vì vậy, giá trị nghệ thuật của đền không chỉ nằm ở vẻ đẹp bên ngoài, mà còn ở khả năng kết hợp giữa bố cục kiến trúc, không gian và tư duy nghệ thuật truyền thống, tạo nên diện mạo riêng cho một di tích được cộng đồng gìn giữ và tôn vinh qua nhiều thế hệ.

Giá trị nghệ thuật nổi bật của các di tích ở Đại Hoàng đó là không thể hiện theo một khuôn mẫu duy nhất. Có công trình nổi lên ở nghệ thuật chạm khắc gỗ và trang trí mái, có công trình thể hiện qua kết cấu vì kèo, bố cục mặt bằng và tổ chức không gian thờ tự, lại có công trình gây ấn tượng bởi sự hài hòa giữa kiến trúc với không gian văn hóa tâm linh lâu đời. Chính sự đa dạng đó đã làm cho hệ thống di tích ở đây mang diện mạo nghệ thuật phong phú, phản ánh nhiều lớp truyền thống kiến trúc và mỹ thuật dân gian của địa phương.

2.3. Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng

2.3.1. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (đền Văn Bồng)

2.3.1.1. Thực trạng về không gian, kiến trúc và hiện vật tại di tích

Đền Văn Bồng hiện nay gần như bảo tồn được nguyên vẹn kết cấu và trang trí kiến trúc thế kỷ XIX. Hiện nay, ngoài pho tượng chính (tượng Vua Đinh Tiên Hoàng), đền còn có một số hiện vật đi kèm như cây mai và cây hải đường bằng gỗ, cây mai cao 0,81m (cả đế), đế hình quả núi, chạm khắc hoá, lá tinh vi, toàn bộ sơn son thếp vàng, cả 2 cây đều được đặt ở vị trí ban thờ trước tượng vua Đinh. Ngoài ra, còn có 1 bát hương sứ tại ban thờ vua Đinh đường kính miệng 0,27m, đường kính đáy 0,15m, cao 0,11m, hoa văn lưỡng long châu nguyệt, men trắng xanh, và 1 bát hương sứ tại ban thờ Nguyễn Bặc đường kính miệng 0,23m đường kính đáy 0,13m, cao 0,95m, được vẽ hoa văn lưỡng long châu nguyệt, hoa lá cách điệu và được tráng bằng men trắng xanh. Những hiện vật này tuy quy mô nhỏ hơn, song lại góp phần làm tăng vẻ trang nghiêm cho không gian thờ tự và phản ánh khá rõ phong cách mỹ thuật truyền thống trong đồ thờ.

Đáng chú ý, di tích còn lưu giữ một cỗ kiệu bát cống thời Nguyễn, là một kiệt tác nghệ thuật điêu khắc gỗ, thể hiện sự uy nghiêm và lòng tôn kính đối với vị hoàng đế khai quốc. Với cấu trúc bát cống đặc trưng, bộ kiệu sở hữu hệ thống đòn bẩy phân tầng phức tạp, trong đó nổi bật nhất là cặp đòn rồng uốn lượn với đầu rồng vươn cao đầy kiêu hãnh. Nghệ thuật chạm khắc tại đây đạt đến trình độ tinh xảo bậc nhất qua kỹ thuật chạm thủng và chạm bong kênh, tái hiện sinh động hình ảnh tứ linh và lưỡng long châu nguyệt đan xen cùng các họa tiết hoa sen, mây vờn mềm mại. Toàn bộ thân kiệu được chế tác từ gỗ quý, phủ lên lớp sơn son thếp vàng rực rỡ, trung tâm của kiệu là phần bành kiệu được thiết kế như một ngai vàng thu nhỏ với các lá đề và cánh sen chạm trổ tỉ mỉ để đặt bài vị. Trong không gian cổ kính của đền Văn Bông, bộ kiệu là một hiện vật lịch sử kết nối quá khứ hào hùng của triều đại nhà Đinh với tấm lòng thành kính của hậu thế.

Sự hiện diện của hệ thống tượng thờ, đồ thờ, bát hương, kiệu rước và các thành phần bài trí trong nội thất cho thấy đền hiện vẫn bảo lưu được những yếu tố vật chất quan trọng, làm cho giá trị lịch sử và giá trị tâm linh của công trình được thể hiện cụ thể hơn qua hiện vật còn lại.

2.3.1.2. Hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Tại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, hoạt động bảo quản và tu bổ di tích đã được quan tâm thực hiện từ khá sớm. Trong quá trình tồn tại, ngôi đền chịu nhiều tác động của thời gian và chiến tranh, vì vậy việc sửa chữa, gìn giữ công trình là yêu cầu cần thiết để duy trì sự ổn định của di tích. Phần kiến trúc còn lại hiện nay chủ yếu mang phong cách thời Nguyễn, cho thấy công trình đã từng trải qua nhiều giai đoạn trùng tu và bảo lưu.

Về hoạt động tu bổ và phục hồi, đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng đã trải qua một số đợt can thiệp đáng chú ý. Một mốc quan trọng là lần trùng tu tòa Trung đường vào năm Bảo Đại thứ 11 (1936). Đây là hạng mục nằm trên trục kiến trúc chính của đền, giữ vai trò kết nối không gian từ Tiền bái vào Hậu cung, vì vậy việc trùng tu bộ phận này có ý nghĩa rất lớn trong việc duy trì kết cấu chung của công trình. Sau đó, vào đầu năm 1993, địa phương tiếp tục thực hiện tu bổ tòa Tiền bái với sự tham gia của nhân dân trong xã, đồng thời có hỗ trợ kinh phí từ

huyện và tỉnh. Đáng chú ý, việc tu sửa được tiến hành dưới sự hướng dẫn chuyên môn của Bảo tàng tỉnh, nhờ đó quá trình tu bổ vẫn bảo đảm định hướng tôn trọng kiến trúc cũ và hạn chế sự thay đổi tùy tiện đối với công trình. Đây là đợt can thiệp tương đối bài bản, vì Tiền Bái là hạng mục nằm ở phía trước, trực tiếp tạo diện mạo cho di tích và là nơi diễn ra các hoạt động tế lễ, bái vọng. Bên cạnh những đợt tu bổ lớn đó, thực trạng di tích cũng cho thấy một số bộ phận như hệ thống cánh cửa của tòa Trung đường đã xuất hiện hư hỏng và cần thay thế, chứng tỏ công tác bảo quản vẫn phải gắn với việc theo dõi thường xuyên từng chi tiết kiến trúc để có phương án xử lý kịp thời. Đặc biệt, theo lời kể của bác Đào Văn Duy - thủ từ đền Văn Bông, vào năm 2007, nhân dịp kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình đã tiến hành phục hồi sập long sàng được chế tác vào thời nhà Nguyễn đặt tại sân đền và tu sửa lại hệ thống mái đền do bị xuống cấp. Ngoài ra, từ năm 2007 đến nay, đền cũng được đảo ngói cách đây vài năm.

Bên cạnh các đợt tu bổ trực tiếp vào hạng mục kiến trúc, đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng còn có hoạt động bảo quản thường xuyên thông qua tổ chức bảo vệ tại chỗ. Địa phương đã thành lập ban bảo vệ di tích, gồm 10 người, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm trưởng ban, các thành viên khác chủ yếu là cán bộ nghỉ hưu và người đang công tác tại địa phương. Bộ phận này có trách nhiệm tham gia trông coi di tích, bảo vệ không gian thờ tự, phối hợp trong việc tu bổ, tôn tạo và tiếp tục sưu tầm tư liệu về vua Đinh. Đây là một hình thức bảo quản gắn với cộng đồng khá rõ, vì di tích không chỉ được gìn giữ bằng các đợt sửa chữa lớn, mà còn được duy trì bằng lực lượng quản lý thường xuyên ngay tại cơ sở.

Ngoài phần công trình chính, việc bảo vệ không gian liên quan đến di tích cũng cần được quan tâm. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (đền Văn Bông) gắn bó mật thiết với các điểm liên quan đến thân thế vua Đinh như gò Bò Đề, lăng phát tích và động Đại Hữu. Điều đó cho thấy việc bảo tồn tại đền không chỉ nhằm gìn giữ riêng tòa đền, mà còn hướng đến việc tạo nên sự hài hòa cho không gian văn hóa - lịch sử bao quanh di tích.

2.3.1.3. Thực hành sinh hoạt văn hóa (lễ hội, nghi lễ)

Các thực hành sinh hoạt văn hóa tại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng được duy trì chủ yếu thông qua lễ hội, nghi lễ dâng hương và tế lễ tưởng niệm. Với tư cách là nơi thờ vị vua có công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước và mở ra thời kỳ độc lập tự chủ vững chắc của dân tộc, di tích này mang ý nghĩa lịch sử rất rõ trong đời sống tinh thần của cộng đồng địa phương. Vì vậy, các nghi lễ diễn ra tại đền luôn thâm đậm tính trang nghiêm, thành kính và hướng về cội nguồn. Đây cũng là cách để cộng đồng khẳng định mối liên hệ bền chặt giữa di tích với vùng đất Đại Hoàng, nơi gắn với thân thế và ký ức lịch sử về vua Đinh Tiên Hoàng.

Trước hết, lễ hội đền Văn Bông là một hình thức sinh hoạt văn hóa tiêu biểu diễn ra ngay ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, nơi vua được sinh ra. Lễ hội được tổ chức hằng năm vào ngày 15, 16 tháng 2 âm lịch, trở thành dịp quan trọng để nhân dân trong vùng tổ chức dâng hương, tế lễ và tưởng niệm công lao của vua Đinh. Ngoài ra, các hoạt động tế lễ và dâng hương tại đền còn được tổ chức kết hợp để hưởng ứng dịp lễ hội Hoa Lư, diễn ra từ ngày 8 đến ngày 11 tháng 3 âm lịch hằng năm. Sáng ngày mùng 9 tháng 3 âm lịch diễn ra Lễ rước kiệu từ Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng tại xã Đại Hoàng xuống Lễ hội Hoa Lư, phường Tây Hoa Lư, nghi lễ diễn ra trong không khí thành kính, với sự tham gia của đông đảo nhân dân địa phương, thể hiện lòng tri ân công đức tới vị anh hùng dân tộc, đồng thời góp phần gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Sau đó buổi chiều diễn ra Lễ tế cáo yết tại đền thờ Vua Đinh (đền Văn Bông), tại đây lễ tế chính được diễn ra rất trang nghiêm, đây là nghi thức truyền thống, cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, trăm dân vui vẻ. Ngày 10/03 âm lịch, diễn ra lễ dâng hương, lễ tế chính, thụ lộc và lễ tạ, vào ngày này, các đại biểu trong xã, tỉnh, cùng con cháu, người dân tại Đại Hoàng có mặt để tham gia những nghi lễ trang nghiêm này. Vào buổi sáng ngày cuối cùng của lễ hội, đã diễn ra lễ rước kiệu (hội loan) từ Lễ hội Hoa Lư, phường Tây Hoa Lư về đền thờ vua Đinh (đền Văn Bông), xã Đại Hoàng.

Bên cạnh những nghi thức mang đậm tính bản địa tại đền Văn Bông, lễ hội Hoa Lư lại mở ra một không gian tưởng niệm với tầm vóc quốc gia. Nếu như lễ

hội đền Văn Bông ghi lại dấu ấn qua sự gắn kết với quê hương - nơi sinh ra và lớn lên của hoàng đế, thì lễ hội Trường Yên lại mở ra vẻ đẹp hào hùng của một trung tâm quyền lực lịch sử. Sự song hành giữa hai lễ hội, đặc biệt là nghi thức rước kiệu kết nối giữa xã Đại Hoàng và cố đô Hoa Lư, đã tạo nên một sợi dây liên kết vô hình nhưng bền chặt giữa nguồn cội địa phương và vận mệnh đất nước. Chính sự khác biệt về sắc thái này - một bên gần gũi với ký ức dòng họ, bản địa, một bên lan tỏa sức mạnh văn hóa dân tộc - đã làm cho giá trị thờ tự Vua Đinh Tiên Hoàng trở nên đa dạng và sâu sắc hơn, góp phần mở rộng chiều sâu lịch sử cho toàn bộ hệ thống di tích về ngài.

Các thực hành sinh hoạt văn hóa tại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng luôn giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì mạch nối giữa lịch sử, tín ngưỡng và đời sống cộng đồng. Thông qua lễ hội, nghi lễ và hoạt động tưởng niệm, di tích tiếp tục phát huy giá trị như một địa chỉ giáo dục truyền thống, nuôi dưỡng ý thức hướng về cội nguồn và bồi đắp bản sắc lịch sử cho địa phương.

2.3.2. Đền thánh Nguyễn

2.3.2.1. Thực trạng về không gian, kiến trúc và hiện vật tại di tích

Trên phương diện không gian, kiến trúc và hiện vật, đền Thánh Nguyễn hiện vẫn thể hiện khá rõ quy mô và vị thế của một di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia. Không gian cảnh quan rộng, đẹp và có sự liên kết chặt chẽ với sông núi xung quanh; kiến trúc được tổ chức bài bản, nhiều hạng mục còn bảo lưu phong cách nghệ thuật cổ; hệ thống hiện vật phong phú, có giá trị trên cả phương diện lịch sử, mỹ thuật và tư liệu. Những yếu tố đó cho thấy đền Thánh Nguyễn giữ vị trí rất quan trọng trong hệ thống di tích lịch sử – văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng, đồng thời là cơ sở thực tiễn quan trọng để đánh giá sâu hơn về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

Theo văn bia còn lại, đền Thánh Nguyễn đã được trùng tu lớn từ thế kỷ XVII và tiếp tục sửa chữa dưới thời Nguyễn, song nhìn chung vẫn bảo lưu được nhiều đường nét kiến trúc cũ. Đây là một điểm rất quan trọng, vì nó cho thấy phần giá trị nghệ thuật của di tích hiện vẫn được thể hiện khá rõ ngay trên cấu trúc kiến trúc còn tồn tại. Hệ thống công trình chính vì thế vừa có vai trò là nơi thờ tự, vừa là minh chứng vật chất cho lịch sử kiến trúc truyền thống của địa phương.

Bên cạnh không gian và kiến trúc, đền Thánh Nguyễn còn lưu giữ một hệ thống hiện vật khá phong phú. Một số hiện vật tiêu biểu được hồ sơ di tích ghi nhận gồm cây đèn đá truyền ngôn là vật kỷ niệm từ thời Nguyễn Minh Không, cột kinh như kinh Đinh Liễn được tìm thấy ở ven bờ sông Hoàng Long cách đó chừng 3- 4km, là di vật quý cần phải nghiên cứu ở cả 3 khía cạnh lịch sử, khảo cổ học và nghệ thuật điêu khắc đá. Bia hoàng triều Bảo Đại thứ 14 nói về việc trùng tu quốc sư cô trạch (1939) cũng như các bi ký Phúc thái nhi niên (1640), Phúc thái vạn vạn niên, v.v. tuy bị mờ một phần, nhưng các bia này cùng với bia “trùng tu Minh Không Quốc sư linh ứng Đại vương” đã nói về quê hương, sự nghiệp của Minh Không và việc tu tạo đền miếu. Ngoài ra còn có các bia đá thời Lê - Nguyễn, sóc đá thời Lê, gạch trang trí hoa lá thời Lê, chân tảng đá thời Lý - Trần, cùng nhiều khám thờ, ngai thờ, án thư, đồ thờ sơn son thếp vàng. Sự đa dạng của hệ thống hiện vật cho thấy di tích hiện không chỉ có giá trị ở công trình kiến trúc, mà còn là nơi bảo lưu nhiều lớp tư liệu vật chất thuộc các thời kỳ lịch sử khác nhau. Nổi bật trong số các hiện vật tại đền là khám thờ thiền sư Minh Không được đặt ở chính tâm, ngai thờ thánh Nguyễn, bài vị, án thư và một số ngai thờ hai bên tả hữu Bái đường. Ngoài giá trị thờ tự, chúng còn phản ánh tay nghề chế tác tinh xảo của nghệ nhân xưa và góp phần tạo nên vẻ trang nghiêm cho không gian nội thất. Đặc biệt, hai chiếc quán tẩy với hình tượng cụm hoa lá sen mọc trên lưng rùa, bên trên là rồng uốn lượn, cho thấy rõ tính biểu tượng và cảm quan nghệ thuật trong đồ thờ truyền thống. Góc chuông còn lưu giữ một quả chuông lớn trên tầng thượng mang tên “Viên Quang tự chung” cao 1,6m (cả bồ lao) đường kính 80 phân. Đây là quả chuông lớn do hai ông Nguyễn Duy Thế và Trần Trọng Ngân, là người của hai xã Diêm Xá và Diêm Giang hưng công đúc lại năm Minh Mệnh thứ 6 (1845), vì quả chuông cũ bị Tây Sơn lấy năm Đinh Mùi (1787) [6, tr.6].

Ngoài ra, đền còn lưu giữ một số lượng lớn thư tịch Hán Nôm và sắc phong, trong đó có ngọc phả, kệ thánh, khoảng 50 đạo sắc của các triều đại Lê, Tây Sơn, cùng nhiều câu đối và tư liệu Hán Nôm gồm các bài thơ ca ngợi thánh Nguyễn Minh Không, Thái úy Tô Hiến Thành cũng như phong tục lễ hội địa phương. Dù đây là nhóm hiện vật thiên về tư liệu hơn là trưng bày mỹ thuật, song giá trị của

chúng rất lớn đối với việc nghiên cứu lịch sử di tích, lịch sử quê hương và đời sống tín ngưỡng truyền thống. Sự hiện diện của cả hiện vật kiến trúc, đồ thờ, bia ký và thư tịch cổ đã làm cho đền Thánh Nguyễn trở thành một di tích có bề dày tư liệu tương đối hiếm, góp phần nâng cao rõ rệt giá trị tổng thể của công trình.

2.3.2.2. Hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Tại Đền Thánh Nguyễn, hoạt động bảo quản di tích từ lâu đã gắn với sự tham gia trực tiếp của cộng đồng địa phương. Trước đây, di tích do ban khánh tiết của hai xã Gia Tiến và Gia Thắng cùng bảo vệ, mỗi xã có một ban và có người trực tiếp trông nom, cho thấy việc gìn giữ đền được duy trì thường xuyên ngay tại cơ sở. Về sau, công tác quản lý tiếp tục được chú trọng hơn khi Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn (cũ) ban hành văn bản tăng cường quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích vào năm 2019; trong đó yêu cầu hai xã Gia Tiến, Gia Thắng chú ý phòng chống cháy nổ, bảo đảm an ninh, an toàn cho hiện vật và đồ thờ, đồng thời hướng dẫn Ban quản lý di tích sắp xếp không gian thờ cúng trang nghiêm, phù hợp với truyền thống văn hóa. Ở cấp tỉnh, báo cáo đầu năm 2026 cho thấy Đền Thánh Nguyễn đang thuộc diện có Ban quản lý di tích riêng ở xã Đại Hoàng, phản ánh việc quản lý di tích này đã được đặt trong cơ chế tổ chức tương đối rõ hơn so với trước.

Về hoạt động tu bổ và phục hồi, Đền Thánh Nguyễn là di tích đã qua nhiều lần sửa chữa trong lịch sử, trong đó đợt tu sửa lớn gần nhất được ghi nhận trong tư liệu cũ là vào năm Bảo Đại thứ 3 (1928); nhìn chung vẫn giữ được phong dáng của kiến trúc Hậu Lê. Tuy nhiên, cùng với thời gian, nhiều hạng mục tiếp tục xuống cấp, các bộ phận như Bái đường, Đệ nhị và Chính tẩm đã hỏng một số cấu kiện, nhiều cột bị thông tâm và phải chống đỡ chờ sửa chữa; riêng gác chuông được xác định hư hỏng khá nhiều, cần tu sửa cấp thiết để tránh nguy cơ đổ sập từng phần, ảnh hưởng đến toàn bộ công trình. Ở khu vực sân đền, địa phương cũng đã có những can thiệp nhất định như tu sửa mặt sân, lát thêm bồn cảnh, nhưng mức độ này mới chỉ là bước đầu và vẫn cần điều chỉnh để phù hợp hơn với tổng thể cảnh quan di tích. Ngoài công trình kiến trúc, việc phục hồi và gìn giữ giá trị di tích còn được đặt ra đối với hiện vật và đồ thờ, huyện Gia Viễn từng yêu

cầu rà soát, đề xuất phương án tu bổ, phục hồi các hiện vật có dấu hiệu hư hỏng, mục dỡ, xuống cấp; đồng thời giao cơ quan chuyên môn phối hợp xem xét phương án bảo vệ những hiện vật như tranh thờ, sắc phong và các đồ thờ tự khác. Điều này cho thấy hoạt động tu bổ ở Đền Thánh Nguyễn không chỉ hướng vào phần nhà đền, mà còn mở rộng sang nhóm hiện vật gốc và không gian nội thất thờ cúng.

2.3.2.3. Thực hành sinh hoạt văn hóa (lễ hội, nghi lễ)

Ở đền Thánh Nguyễn, thực hành sinh hoạt văn hóa đậm màu sắc tín ngưỡng dân gian và có sức sống cộng đồng. Đây là di tích gắn với Đức Thánh Nguyễn Minh Không, một nhân vật vừa có dấu ấn lịch sử, vừa được tôn vinh trong tâm thức dân gian như một vị Thánh có công cứu dân, chữa bệnh và phù trợ cho cộng đồng. Vì vậy, các nghi lễ và lễ hội tại đây không chỉ là hoạt động tưởng niệm thông thường, mà đã trở thành một phần quen thuộc trong nhịp sống văn hóa của cư dân địa phương. Từ đó, đền Thánh Nguyễn giữ vai trò như một trung tâm sinh hoạt tín ngưỡng, nơi hội tụ niềm tin tâm linh, ký ức lịch sử và các giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ qua nhiều thế hệ.

Điểm nổi bật nhất trong thực hành sinh hoạt văn hóa tại di tích là lễ hội đền Thánh Nguyễn, hiện được tổ chức vào tháng 2 âm lịch. Đây là dịp quan trọng để nhân dân trong vùng và khách thập phương về dâng hương, tưởng niệm và tham gia các nghi lễ tôn vinh Đức Thánh Nguyễn. Tính chất của lễ hội ở đây thiên về sự linh thiêng, thành kính và gắn chặt với đời sống tín ngưỡng dân gian. So với nhiều lễ hội mang nặng yếu tố trình diễn, lễ hội đền Thánh Nguyễn nổi bật ở chiều sâu tâm linh và khả năng duy trì cảm thức cộng đồng bền vững. Việc lễ hội vẫn được tổ chức đều đặn cho thấy di tích chưa tách khỏi đời sống hiện tại, trái lại vẫn đang tiếp tục được cộng đồng nuôi dưỡng như một không gian văn hóa sống, nơi các giá trị truyền thống được tái hiện và truyền tiếp trong đời sống hằng năm. Đặt trong tiến trình lịch sử, sinh hoạt lễ hội tại đền Thánh Nguyễn vốn có nền tảng rất lâu đời và khá phong phú. Trước đây, các hình thức thực hành văn hóa tại di tích đã bao gồm rước thánh, bơi chải, múa rối, hát chèo, tế lễ, cùng nhiều dịp cúng lễ khác nhau trong năm. Những hoạt động ấy cho thấy lễ hội đền Thánh Nguyễn từng là một tổ hợp sinh hoạt văn hóa dân gian giàu bản sắc, nơi phân lễ và phân

hội gắn bó chặt với nhau. Bản thân sự xuất hiện của các hình thức như bơi chải, hát chèo hay múa rối đã phản ánh rõ vai trò của di tích như một trung tâm văn hóa cộng đồng, nơi người dân vừa thực hiện tín ngưỡng, vừa tái tạo đời sống tinh thần thông qua các hình thức diễn xướng truyền thống.

Hàng năm, lễ hội đền thánh Nguyễn được tổ chức vào tháng Hai âm lịch với rất nhiều hoạt động nổi bật. Lễ hội không chỉ đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của nhân dân và du khách thập phương, mà còn là dịp để tôn vinh công lao to lớn của bậc tiền nhân, đồng thời đây còn là cơ hội để giáo dục truyền thống yêu nước, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, góp phần khơi dậy niềm tự hào dân tộc và nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa quý báu của quê hương. Lễ hội gồm phần Lễ và phần Hội, từ những ngày đầu, công tác chuẩn bị đã được diễn ra rất chín chu và cẩn thận, những nghi lễ diễn ra đầu tiên là lễ cầu nguyện quốc thái dân an, đặc biệt là lễ cáo yết, được tổ chức trang nghiêm để kính cáo với anh linh Đức Đinh Tiên Hoàng, các bậc tiên công, tiên linh về việc mở hội đền thánh Nguyễn diễn ra tại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (đền Văn Bông). Bên cạnh đó, các nghi lễ rước kiệu thánh Tô, bách thần và các quan về đền cũng các nghi lễ khác được diễn ra trang nghiêm, đúng với nghi thức truyền thống trong không gian linh thiêng, thu hút đông đảo nhân dân và du khách tham gia, chiêm bái. Ngoài ra, nghi lễ rước nước cũng được tổ chức rất long trọng với sự tham gia của các đồng chí lãnh đạo xã Đại Hoàng, đại biểu Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh cùng đông đảo nhân dân và du khách thập phương. Đoàn rước nước khởi hành từ Đền Thánh Nguyễn, tiến về phía bên kia sông Hoàng Long cổ trong tiếng trống, tiếng chiêng rộn ràng, cùng với đoàn kiệu uy nghi và đoàn lân sư rồng, cờ hội tiếp nối, nước được lấy từ nguồn trong lành của dòng sông Hoàng Long, được rước về Đền, đưa về nội cung để bao sái tượng thờ và thần vị. Nghi lễ rước nước trong Lễ hội Đền Thánh Nguyễn là nghi lễ truyền thống thiêng liêng từ bao đời nay, thể hiện tín ngưỡng cầu nước, mong cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, nhân dân no ấm. Đây còn là nghi lễ độc đáo và đặc sắc trong tổng thể lễ hội Đền Thánh Nguyễn do mọi nghi thức đều được cử hành trên không gian dòng sông Hoàng Long cổ.

Trong không khí trang nghiêm và linh thiêng của ngày khép lại lễ hội, các nghi lễ truyền thống được cử hành trang trọng, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, lòng tri ân sâu sắc công đức của bậc tiền nhân. Mở đầu là Lễ tạ, dâng hương lễ bái, chí thành tưởng niệm công đức của các bậc tiền nhân, cầu nguyện quốc thái dân an, chúng sinh an lạc. Tiếp đó là nghi thức hoàn sắc về các kiệu, được thực hiện nghiêm cẩn, thể hiện sự tôn kính và giữ gìn lễ nghi truyền thống. Nghi lễ rước kiệu Thánh Tô cùng chư vị bách thân, các quan hồi loan được cử hành trong sự trang nghiêm, thành kính. Khép lại là nghi thức tế yên vị Thánh Tô và Thánh Mẫu, cầu cho thiên hạ thái bình, mưa thuận gió hòa, nhân dân an cư lạc nghiệp, mọi nhà được bình an, hạnh phúc.

Song song với phần lễ trang nghiêm và thành kính là những hoạt động đặc sắc như chương trình khai mạc lễ hội, phiên chợ làng Diêm, Lễ “Thưởng trà Thánh hoa” - biểu tượng của sự giao thoa giữa con người với thiên nhiên, giữa truyền thống với hiện đại, tổ chức các hoạt động như giải đấu bóng chuyền, hội thi bơi trải, hội thi bày mâm ngũ quả dâng vua kính thánh. Trong không gian khói hương thành kính, lễ hội đã được cử hành đúng với nghi thức truyền thống, góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tâm linh tốt đẹp của quê hương.

Ngoài lễ hội chính, đền Thánh Nguyễn còn gắn với nhiều nghi lễ theo chu kỳ năm, góp phần duy trì mật độ sinh hoạt văn hóa tương đối dày đặc. Qua nghiên cứu tư liệu cho thấy tại đây có các dịp lễ kỳ phúc, lễ mừng xuân, ngày hóa của Nguyễn Minh Không, ngày hóa của Tô Hiến Thành cùng các lễ thức liên quan đến việc tưởng niệm và tế tự. Sự phong phú ấy đã phản ánh một thực tế rằng đền không chỉ là nơi đông vui vào một mùa hội duy nhất, mà là không gian tín ngưỡng vận hành thường xuyên trong đời sống cộng đồng.

Thực hành sinh hoạt tại đền Thánh Nguyễn có ý nghĩa đặc biệt bởi đây là nơi các giá trị lịch sử, tín ngưỡng và nghệ thuật cùng hiện diện trong một chỉnh thể tương đối thống nhất. Lễ hội và nghi lễ ở đây góp phần làm rõ vai trò của di tích như một trung tâm sinh hoạt cộng đồng, đồng thời mở rộng giá trị của đền ra ngoài phạm vi thờ tự thuần túy, tiếp tục giữ được sự kết nối quá khứ với hiện tại.

2.3.3. Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc

2.3.3.1. *Thực trạng về không gian, kiến trúc và hiện vật tại di tích*

Về kiến trúc, nhà thờ Nguyễn Bặc hiện nay là kết quả của quá trình hình thành và dựng lại qua nhiều giai đoạn. Theo hồ sơ, nhà thờ được khởi dựng từ khoảng thế kỷ XVII, đến năm Khải Định thứ 7 (1927) thì dòng họ Nguyễn xây dựng lại khá bề thế. Công trình khi đó có kiến trúc tiền nhất hậu đình, cho thấy cách tổ chức mặt bằng vẫn bám theo kiểu thức truyền thống quen thuộc của kiến trúc thờ tự Việt Nam. Thực tế, Tiền đường vốn gồm 5 gian, làm bằng gỗ xoan và gỗ mít, hệ vì kèo theo kiểu chông rường hạ kẻ. Đây là kiểu kết cấu khá phổ biến trong kiến trúc gỗ truyền thống, tạo cho công trình vẻ vững chắc nhưng vẫn mềm mại trong cách phân bố khung mái. Tuy nhiên, hạng mục này đã bị thực dân Pháp đốt vào năm 1948, vì vậy diện mạo kiến trúc ban đầu hiện chỉ còn được biết đến qua ghi chép. Phần còn lại được mô tả cụ thể hơn là Trung đường và Hậu cung. Bên cạnh không gian và kiến trúc, di tích còn lưu giữ một số hiện vật tiêu biểu có giá trị lịch sử và thờ tự. Trong nhà thờ hiện có ngai và bài vị thờ Nguyễn Bặc, đây là những hiện vật quan trọng nhất vì gắn trực tiếp với đối tượng thờ chính của di tích. Ngoài ra còn có 6 sắc phong thời Nguyễn, một bia đá mới dựng nhân dịp hội nghị nghiên cứu danh nhân Nguyễn Bặc, cùng với 3 hoành phi, 2 câu đối sơn son thếp vàng và một số câu đối được ghi chép lại. Hệ thống hiện vật này tuy không nhiều như ở đền Thánh Nguyễn, song vẫn cho thấy nhà thờ còn giữ được những thành phần vật chất để xác lập tư cách của một không gian thờ tự lâu đời [11, tr.5].

Đáng chú ý, các hiện vật tại đây mang sắc thái khá đậm của nhà thờ dòng họ, bài vị, hoành phi, câu đối, sắc phong đều góp phần củng cố tính chất trang nghiêm, đồng thời làm nổi bật vị thế của Nguyễn Bặc trong lịch sử triều Đinh và trong tâm thức con cháu họ Nguyễn. Dù số lượng hiện vật được ghi nhận trong hồ sơ không quá phong phú nhưng mỗi nhóm hiện vật lại có ý nghĩa riêng.

2.3.3.2. *Hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích*

Ở Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc, công tác gìn giữ di tích mang màu sắc khá riêng khi gắn chặt với vai trò của dòng họ và ý thức hướng về đất tổ của con cháu hậu duệ. Qua nhiều giai đoạn lịch sử, việc thờ phụng, trông nom và chăm sóc di

tích vẫn được duy trì tương đối đều đặn, tạo nên một nền tảng bảo quản có tính kế thừa rõ rệt. Sự hiện diện thường xuyên của con cháu trong các dịp giỗ tổ, thanh minh và lễ tưởng niệm đã giúp cho nhà thờ và phần mộ luôn được giữ trong trạng thái trang nghiêm, sạch sẽ và ổn định. Chính quá trình gìn giữ bền bỉ ấy đã làm cho di tích tiếp tục tồn tại như một biểu tượng của cội nguồn dòng họ, đồng thời giữ được vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng địa phương. Về sau, việc địa phương thành lập Ban Quản lý di tích lịch sử Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc vào năm 2023 càng cho thấy công tác quản lý di tích đã từng bước được tổ chức chặt chẽ hơn, có cơ sở rõ ràng hơn trong việc phối hợp giữa dòng họ với chính quyền sở tại.

Di tích này cũng đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo gắn với những thời điểm có ý nghĩa khác nhau. Nhà thờ được dựng từ khoảng thế kỷ XVII, đến năm Khải Định thứ 7 (1927) thì con cháu xây dựng lại với quy mô tương đối bề thế, qua đó củng cố diện mạo của một nhà thờ tổ gắn với danh nhân lịch sử thời Đinh. Sau biến cố Tiền đường bị thực dân Pháp đốt năm 1948, dòng họ tiếp tục đứng ra sửa sang để khôi phục không gian thờ tự và duy trì sinh hoạt tưởng niệm như hiện nay. Đối với phần mộ, quá trình tu sửa cũng diễn ra khá cụ thể: khoảng năm 1989 con cháu xây vòm mộ, sau đó đến tháng 11/1997 tiếp tục lát mở rộng khu mộ và dựng bia mộ Nguyễn Bặc. Ngoài ra, theo lời kể của cụ Nguyễn Văn Nội - người trông coi nhà thờ, bà Đào Thị Luyện và bà Vũ Thị Nhan - người trông coi lăng mộ cho biết, nhà thờ đã được sửa và nâng cấp vào năm 2018 với các công trình bổ trợ như nhà khách, mở bãi đỗ xe riêng, mở rộng đường vào nhà thờ. Đặc biệt, toàn bộ công trình nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc được Nhà nước và dòng họ đầu tư, trùng tu và khánh thành năm 2023.

Giá trị của công tác bảo tồn nằm ở chỗ di tích luôn được chăm lo trong mối liên hệ sống với cộng đồng, vì vậy việc giữ gìn không bị đứt quãng mà diễn ra như một phần của đời sống tâm linh và đạo lý gia tộc. Nhờ nền tảng đó, nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc vẫn giữ được vai trò là địa chỉ tưởng niệm quan trọng, là nơi con cháu cả nước hướng về cội nguồn, đồng thời góp phần làm phong phú thêm hệ thống di tích lịch sử gắn với thời Đinh trên địa bàn xã Đại Hoàng hiện nay.

2.3.3.3. *Thực hành sinh hoạt văn hóa (lễ hội, nghi lễ)*

Ở Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc, thực hành sinh hoạt văn hóa mang sắc thái khác với hai di tích còn lại, bởi trọng tâm không nằm ở hội làng quy mô rộng, mà tập trung vào nghi lễ tưởng niệm danh nhân và sinh hoạt hướng về cội nguồn của dòng họ. Chính đặc điểm ấy tạo cho di tích một chiều sâu riêng: không khí sinh hoạt văn hóa ở đây thường lắng hơn, trang nghiêm hơn, nhưng lại bền chặt và giàu sức gắn kết. Qua nhiều thế hệ, nhà thờ và phần mộ vẫn là nơi để con cháu họ Nguyễn tìm về làm giỗ tổ, dâng hương, tri ân tiền nhân và củng cố ý thức về truyền thống gia tộc.

Hoạt động tiêu biểu nhất được duy trì tại di tích là lễ giỗ Nguyễn Bặc vào rằm tháng Mười âm lịch. Vào dịp này, con cháu họ Nguyễn từ nhiều địa phương như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Huế, Nam Định... trở về dâng hương và tưởng niệm. Lễ rước kiệu được diễn ra hàng năm từ chiều ngày 14/10 âm lịch, kiệu được rước từ lăng mộ của ngài về nhà thờ để tế lễ và sau đó được đưa trở lại lăng mộ. Sự quy tụ đông đảo ấy cho thấy sức lan tỏa của di tích đã vượt ra ngoài phạm vi một làng hay một xã, trở thành điểm hội tụ tinh thần của cộng đồng hậu duệ ở nhiều vùng miền. Trong không gian nhà thờ và khu mộ, nghi lễ giỗ tổ vừa mang ý nghĩa tri ân một bậc khai quốc công thần triều Đinh, vừa thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, truyền thống tốt đẹp được gìn giữ trong tâm thức người Việt.

Bên cạnh ngày giỗ chính vào rằm tháng Mười, sinh hoạt văn hóa tại di tích còn gắn với dịp thanh minh ngày mùng sáu tháng Ba âm lịch và ngày giỗ ông Nguyễn Tài Nông, người có công trở về trông nom, giữ mộ tổ và xây dựng nhà thờ. Những dịp này làm cho mối liên hệ giữa con cháu với di tích được duy trì quanh năm, thay vì chỉ tập trung vào một lễ giỗ duy nhất.

Các nghi lễ tại Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc không thiên về phần hội, không đặt nặng yếu tố trình diễn, mà nghiêng nhiều về sự thành kính, chặt chẽ trong lễ thức và cảm thức tri ân tổ tiên. Chính sắc thái ấy làm cho không gian di tích giữ được vẻ trầm mặc, linh thiêng và có chiều sâu lịch sử riêng. Mỗi lần con cháu trở về dâng hương, bái tổ hay viếng mộ, di tích lại được tái khẳng định vai trò như

một điểm tựa tinh thần của dòng họ. Từ góc độ văn hóa, những thực hành này có ý nghĩa rất lớn trong việc duy trì ký ức về Nguyễn Bặc như một tướng tài, một bậc trung thần và một nhân vật có vị trí quan trọng trong lịch sử triều Đinh. Đồng thời, đó cũng là con đường để lịch sử được truyền trao một cách tự nhiên từ thế hệ trước sang thế hệ sau, thông qua nghi lễ, qua không gian thờ tự và qua sự hiện diện thực tế của cộng đồng hậu duệ.

2.4. Đánh giá công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử- văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng

2.4.1. Tích cực

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng thời gian qua đã đạt được những kết quả tương đối rõ nét. Trước hết, điều dễ nhận thấy là hệ thống di tích trọng điểm của địa phương vẫn được duy trì hiện diện khá bền vững trong đời sống cộng đồng. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền Thánh Nguyễn và Nhà thờ, mộ Nguyễn Bặc đều chưa bị tách rời khỏi không gian văn hóa bản địa, trái lại vẫn giữ được vai trò là những điểm tựa lịch sử, tâm linh và ký ức của cư dân địa phương. Sự tồn tại liên tục của các di tích qua nhiều biến động cho thấy ý thức gìn giữ di sản ở cơ sở vẫn được duy trì, đồng thời phản ánh mối liên hệ sâu sắc giữa di tích với đời sống tinh thần của người dân trên địa bàn.

Trên phương diện bảo tồn vật thể, nhiều hạng mục kiến trúc đã được quan tâm trông coi, sửa chữa và duy trì qua các giai đoạn khác nhau. Ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng đã có các đợt trùng tu đối với Trung đường và Tiền bái; đền Thánh Nguyễn tuy trải qua nhiều lần tu sửa nhưng vẫn giữ được khá rõ phong dáng kiến trúc cổ; còn tại Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc, dòng họ vẫn liên tục chăm lo việc chỉnh trang nhà thờ, phần mộ và khuôn viên thờ tự. Cùng với quá trình tu bổ, việc hình thành các ban quản lý, ban bảo vệ, ban khánh tiết tại từng di tích đã tạo ra lực lượng trực tiếp chịu trách nhiệm trông coi và duy trì hoạt động.

Về việc phát huy giá trị, các di tích trên địa bàn vẫn đang được gìn giữ bằng chính đời sống văn hóa truyền thống của cộng đồng. Lễ hội đền Văn Bông, lễ hội đền Thánh Nguyễn, giỗ Nguyễn Bặc cùng các nghi lễ dâng hương, tế lễ, thanh

minh và tưởng niệm hằng năm vẫn được duy trì, làm cho di tích luôn tồn tại như những không gian văn hóa sống chứ không trở thành các công trình tĩnh lặng. Sự tiếp nối của các thực hành lễ hội và nghi lễ ấy có ý nghĩa đặc biệt, bởi nó góp phần truyền trao ký ức lịch sử, bồi đắp đạo lý uống nước nhớ nguồn và củng cố bản sắc văn hóa địa phương. Chính nhờ các sinh hoạt văn hóa được bảo lưu tương đối đều đặn mà chiều sâu giá trị của di tích tiếp tục được khẳng định trong hiện tại.

Các di tích ở xã Đại Hoàng đã bắt đầu được đặt trong mối liên hệ với hoạt động tham quan, nghiên cứu và quảng bá hình ảnh địa phương. Việc tổ chức các dịp dâng hương tưởng niệm, giới thiệu di tích trên cổng thông tin điện tử, cũng như xu hướng gắn các điểm di tích này với không gian văn hóa thời Đinh - Lý của Ninh Bình cho thấy giá trị của di tích đang được nhìn nhận theo hướng mở hơn trước. Từ vị thế của những điểm thờ tự mang tính địa phương, các di tích từng bước trở thành nguồn lực văn hóa có thể hỗ trợ cho giáo dục lịch sử, nghiên cứu truyền thống và phát triển du lịch văn hóa.

2.4.2. Hạn chế

Trong thời gian qua, công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần duy trì sự hiện diện của di tích trong đời sống cộng đồng. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, quá trình triển khai vẫn còn một số tồn tại nhất định về cả về phương diện bảo tồn vật thể lẫn phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

Thứ nhất, một số hạng mục kiến trúc tại các di tích vẫn có dấu hiệu xuống cấp nhưng chưa được xử lý triệt để. Ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, hệ thống cửa của Trung đường đã xuất hiện hư hỏng; tại đền Thánh Nguyễn, nhiều cấu kiện ở Bái đường, Đệ nhị, Chính tâm và gác chuông đã xuống cấp rõ.

Thứ hai, hoạt động bảo tồn giữa các di tích còn thiếu sự đồng đều và chưa thật sự gắn với chuyên môn sâu. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền Thánh Nguyễn đã có sự tham gia của chính quyền và quản lý tại chỗ, nhưng mức độ đầu tư, kiểm tra và can thiệp kỹ thuật vẫn chưa đồng nhất; trong khi đó, Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc lại phụ thuộc khá nhiều vào sự chủ động của dòng họ. Sự chênh lệch này khiến hiệu quả bảo tồn giữa các điểm di tích chưa cân bằng, đồng thời

cho thấy cơ chế phối hợp giữa cộng đồng, địa phương và cơ quan chuyên môn vẫn còn hạn chế.

Thứ ba, việc phát huy giá trị di tích chủ yếu vẫn thiên về thờ tự và lễ nghi truyền thống, trong khi hoạt động giới thiệu, thuyết minh và khai thác giá trị văn hóa còn khá đơn giản. Các lễ hội, giỗ tổ, nghi lễ dâng hương vẫn được duy trì, song việc chuyển hóa các giá trị lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật của di tích thành sản phẩm giáo dục, trải nghiệm hay du lịch văn hóa đặc thù vẫn chưa rõ nét. Vì vậy, giá trị của di tích trong nhiều trường hợp mới được cảm nhận chủ yếu ở phương diện tâm linh, chưa được lan tỏa trên phương diện văn hóa, du lịch.

Thứ tư, mối liên kết không gian giữa di tích với cảnh quan xung quanh và hệ thống di tích liên quan chưa được khai thác tương xứng. Một số di tích có quan hệ mật thiết với các địa danh lịch sử lân cận, song việc tổ chức bảo vệ tổng thể, kết nối tuyến điểm và tạo thành không gian văn hóa hoàn chỉnh vẫn còn mờ nhạt. Hạn chế này làm cho giá trị liên hoàn của hệ thống di tích thời Đinh - Lý ở xã Đại Hoàng chưa được phát huy đầy đủ, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng xây dựng định hướng bảo tồn gắn với phát triển du lịch bền vững trong tương lai.

Tiểu kết chương 2

Có thể thấy, xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình là vùng đất có bề dày lịch sử, giàu truyền thống văn hóa và sở hữu hệ thống di tích lịch sử - văn hóa có giá trị nổi bật. Trên cơ sở khảo sát ba di tích cấp quốc gia gồm đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền Thánh Nguyễn và Nhà thờ, mộ Nguyễn Bặc, chương này đã làm rõ các giá trị tiêu biểu của di tích trên nhiều phương diện như cảnh quan, lịch sử, tâm linh và nghệ thuật. Mỗi di tích đều gắn với những nhân vật lịch sử quan trọng, đồng thời phản ánh chiều sâu văn hóa của vùng đất Đại Hoàng trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Từ việc phân tích thực trạng, có thể thấy các di tích trên địa bàn xã Đại Hoàng hiện nay vẫn cơ bản giữ được không gian tồn tại, một số đặc điểm kiến trúc truyền thống, hệ thống hiện vật thờ tự và các hình thức sinh hoạt văn hóa gắn với cộng đồng. Công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được triển khai ở những mức độ khác nhau, với sự tham gia của chính quyền địa phương, ban quản lý, ban khánh tiết, dòng họ và nhân dân sở tại. Các lễ hội, nghi lễ dâng hương, giỗ tổ và sinh hoạt tín ngưỡng vẫn tiếp tục được duy trì, qua đó góp phần bảo lưu ký ức lịch sử, nuôi dưỡng đời sống tâm linh và giữ cho di tích tiếp tục hiện diện như những không gian văn hóa sống trong cộng đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích tại xã Đại Hoàng vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Một số hạng mục kiến trúc đã xuống cấp, hoạt động bảo tồn giữa các di tích còn thiếu đồng đều, việc phát huy giá trị di tích vẫn thiên nhiều về thờ tự truyền thống, trong khi khả năng kết nối không gian, giới thiệu và khai thác giá trị phục vụ giáo dục, nghiên cứu, du lịch còn chưa thật sự tương xứng.

Chương 3: GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA Ở XÃ ĐẠI HOÀNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

3.1. Quan điểm, chính sách về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa

Di tích lịch sử - văn hóa là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng luôn quan tâm công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa. Từ sau năm 1996 đến nay, trước yêu cầu bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, nhiều nghị quyết, chương trình, văn kiện quan trọng đã được ban hành nhằm định hướng, thúc đẩy công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa.

Từ năm 1996 đến năm 2023, tư duy chiến lược của Đảng về di tích lịch sử - văn hóa đã có sự phát triển vượt bậc, từ việc nhìn nhận di tích như tài sản cần gìn giữ, tôn tạo đã trở thành nền tảng tinh thần và là nguồn động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển bền vững của quốc gia. Đảng khẳng định di tích lịch sử - văn hóa là cốt lõi của bản sắc dân tộc, làm khơi dậy lòng yêu nước, giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ và bảo vệ văn hóa trong bối cảnh hội nhập.

Để hiện thực hóa tầm nhìn đó, Đảng đã chuyển mạnh từ định hướng chung sang hành động mang tính pháp lý và toàn diện thông qua việc hoàn thiện các chế tài, tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật nhằm bảo vệ di tích trước các nguy cơ xâm hại. Đặc biệt, trong giai đoạn mới, các chính sách tập trung vào việc đầu tư nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa vùng miền thông qua việc thúc đẩy số hóa dữ liệu, giúp di tích lịch sử vừa lưu giữ được giá trị truyền thống, vừa thích ứng, lan tỏa mạnh mẽ trong kỷ nguyên số [18].

3.1.1. Ở cấp trung ương

Ở cấp trung ương, quan điểm về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa hiện nay được xác lập khá rõ theo hướng xem di sản văn hóa là nguồn lực quan trọng của phát triển bền vững, đồng thời là bộ phận cấu thành bản sắc văn hóa dân tộc. Điểm nổi bật là tư duy quản lý di tích không còn dừng ở yêu cầu gìn giữ nguyên trạng, mà đã chuyển mạnh sang hướng bảo vệ gắn với khai thác hợp lý, phát huy giá trị gắn với giáo dục truyền thống, phát triển văn hóa và du

lịch bền vững. Tinh thần này được thể hiện rõ trong Luật Di sản văn hóa năm 2024, văn bản đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, tạo ra khuôn khổ pháp lý mới cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong giai đoạn hiện nay.

Nhà nước đặt trọng tâm vào việc bảo vệ yếu tố gốc, tăng cường trách nhiệm của cơ quan quản lý, cộng đồng và các chủ thể liên quan, đồng thời mở rộng khả năng đưa di sản vào đời sống đương đại theo hướng phù hợp. Cùng với Luật Di sản văn hóa năm 2024, Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 đã khẳng định định hướng xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam toàn diện, trong đó di sản văn hóa là một lĩnh vực cần được bảo tồn và phát huy như một nguồn lực nội sinh phát triển đất nước.

Hệ thống chính sách trung ương cũng thể hiện quan điểm khá nhất quán, cụ thể là luật Du lịch năm 2017 đã xác định phát triển du lịch bền vững phải bảo đảm hài hòa các yêu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường; đồng thời quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư quản lý tài nguyên du lịch có trách nhiệm bảo vệ, đầu tư, tôn tạo tài nguyên du lịch và tạo điều kiện cho hoạt động tham quan, thụ hưởng giá trị tài nguyên. Trên nền tảng đó, Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 theo Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 cũng nhấn mạnh việc chú trọng phát triển sản phẩm du lịch văn hóa gắn với bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử và truyền thống dân tộc. Từ đây có thể thấy, ở cấp trung ương, định hướng chính sách hiện hành đã hình thành một khung quan điểm tương đối rõ: bảo tồn di tích phải đi đôi với phát huy giá trị, và phát huy giá trị phải được đặt trong giới hạn của bảo vệ di sản, hướng tới phát triển du lịch bền vững và lợi ích lâu dài của cộng đồng.

3.1.2. Ở cấp địa phương

Tại địa phương, quan điểm và chính sách về bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa tại Ninh Bình được thể hiện theo hướng khá nhất quán: xem di tích là lợi thế nổi trội của tỉnh, là nền tảng quan trọng để xây dựng bản sắc địa phương và đồng thời là nguồn lực phục vụ phát triển du lịch bền vững. Tinh thần này đã được cụ thể hóa trong Đề án bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa,

truyền thống tốt đẹp của con người Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2030, được ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 10/9/2021. Đề án đặt ra định hướng tiếp tục kiểm kê, sưu tầm, nghiên cứu, tu bổ, tôn tạo di tích, đẩy mạnh giáo dục truyền thống, biên soạn các ấn phẩm về di sản và gắn bảo tồn văn hóa với việc hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh.

Cùng với định hướng bảo tồn di sản, chính sách của tỉnh còn nhấn mạnh khá rõ yêu cầu phát huy giá trị di tích thông qua phát triển du lịch văn hóa. Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2045 xác lập mục tiêu phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng cao, gắn với bảo tồn tài nguyên và phát huy giá trị văn hóa bản địa. Đến cuối năm 2025, HĐND tỉnh tiếp tục ban hành Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030, trong đó có các nội dung liên quan đến hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch mới, bảo tồn kiến trúc truyền thống, duy trì các đội văn nghệ quần chúng, tổ chức biểu diễn nghệ thuật và bảo tồn giá trị văn hóa phục vụ khách du lịch. Như vậy, ở cấp địa phương, tư duy bảo tồn đã được đặt trong thế gắn kết khá chặt chẽ với phát triển kinh tế du lịch, nhất là du lịch văn hóa và du lịch di sản.

Từ thực tế quản lý văn hóa của tỉnh có thể thấy, Ninh Bình hiện đang hướng tới mô hình bảo tồn di tích theo hướng đồng bộ hơn, kết hợp giữa quản lý nhà nước, cộng đồng địa phương và ứng dụng chuyển đổi số. Một số tài liệu chuyên môn của tỉnh cho biết Ninh Bình đã từng bước thực hiện kiểm kê di tích, phân loại di sản để có kế hoạch bảo tồn phù hợp; đồng thời gần đây tỉnh tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu chuyển đổi số trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Sau sáp nhập, tỉnh Ninh Bình mới được ghi nhận có gần 5.000 di tích đã kiểm kê, trong đó có 8 di tích quốc gia đặc biệt; điều này càng làm rõ hơn áp lực cũng như yêu cầu phải có chính sách địa phương đủ mạnh để vừa bảo vệ di sản, vừa khai thác hợp lý phục vụ phát triển. Trên nền tảng đó, có thể thấy chính sách của địa phương đang đi theo hướng ngày càng coi trọng hơn việc kết nối di tích với đời sống cộng đồng, du lịch, công nghệ và quảng bá hình ảnh của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững

3.2.1. Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích

Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích là giải pháp có ý nghĩa nền tảng trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng. Qua thực trạng đã phân tích, có thể thấy một số hạng mục kiến trúc tại các di tích đã xuất hiện dấu hiệu xuống cấp, một số cấu kiện bị hư hỏng, trong khi việc tu bổ giữa các điểm di tích còn thiếu sự đồng đều. Nếu không có giải pháp kịp thời, những tác động của thời gian, thời tiết và quá trình sử dụng lâu dài sẽ làm suy giảm giá trị vật thể của di tích, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phát huy giá trị văn hóa, lịch sử và du lịch trong tương lai. Vì vậy, việc ưu tiên bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích cần được xem là nhiệm vụ trước mắt, đồng thời là điều kiện tiên quyết để triển khai các giải pháp phát huy giá trị lâu dài.

Tiếp đó, việc tu bổ di tích phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng yếu tố gốc và đặc điểm kiến trúc truyền thống của từng công trình. Đây là yêu cầu rất quan trọng, bởi giá trị của di tích không nằm ở sự mới đẹp bề ngoài, mà nằm ở tính chân xác lịch sử và các dấu ấn kiến trúc còn được lưu giữ qua thời gian. Trong quá trình tu sửa, cần hạn chế tối đa việc thay thế tùy tiện cấu kiện cũ bằng vật liệu hiện đại không phù hợp, tránh xu hướng làm mới di tích theo thị hiếu đương thời. Với các di tích như đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng hay đền Thánh Nguyễn, nơi vẫn còn bảo lưu nhiều chi tiết kiến trúc và chạm khắc có giá trị, việc tu bổ càng phải thận trọng, có khảo sát kỹ lưỡng và có sự tham gia của cán bộ chuyên môn về bảo tồn di tích. Chỉ khi giữ được phong cách kiến trúc gốc và vẻ cổ kính vốn có, di tích mới duy trì được giá trị lịch sử, nghệ thuật và sức hấp dẫn riêng đối với khách tham quan.

Cùng với tu bổ kiến trúc, cần chú trọng hơn đến bảo quản hiện vật và đồ thờ tại di tích. Thực tế cho thấy hệ thống tượng thờ, ngai thờ, sắc phong, bia đá, bát hương, hoành phi, câu đối và nhiều hiện vật khác tại các di tích ở Đại Hoàng đều có giá trị lớn về lịch sử, mỹ thuật và tín ngưỡng. Tuy nhiên, những hiện vật này cũng rất dễ bị ảnh hưởng bởi độ ẩm, môi mọt, bụi bẩn, nhiệt độ và sự tác động

của con người. Vì vậy, cần có phương án bảo quản phù hợp theo từng chất liệu, nhất là đối với gỗ, giấy sắc phong, vải, đá và đồ sơn son thếp vàng. Địa phương có thể phối hợp với cơ quan chuyên môn để hướng dẫn cách bảo quản, sắp xếp, vệ sinh và kiểm kê hiện vật định kỳ.

Bên cạnh đó, cần tăng cường sự phối hợp giữa địa phương với cơ quan chuyên môn trong quá trình bảo quản, tu bổ và phục hồi. Xã Đại Hoàng là nơi trực tiếp quản lý, nhưng muốn bảo tồn di tích đúng hướng thì rất cần sự hỗ trợ từ phòng văn hóa - xã hội, bảo tàng, sở chuyên ngành và đội ngũ có kiến thức về bảo tồn kiến trúc truyền thống. Đồng thời, đây cũng là cách để hạn chế những can thiệp mang tính kinh nghiệm hoặc cảm tính, vốn rất dễ làm giảm giá trị gốc của di tích. Trong điều kiện hiện nay, khi yêu cầu bảo tồn ngày càng gắn với tiêu chí bền vững và khai thác du lịch, sự tham gia của chuyên môn càng trở nên cần thiết.

3.2.2. Quản lý, tổ chức thực hành sinh hoạt văn hóa (lễ hội, nghi lễ)

Quản lý và tổ chức thực hành sinh hoạt văn hóa tại các di tích ở xã Đại Hoàng được xem là một giải pháp trọng tâm, bởi di tích chỉ thực sự giữ được sức sống khi những lễ hội, nghi lễ gắn với nó còn được duy trì đúng mạch truyền thống. Trong trường hợp này, phần giá trị phi vật thể có ý nghĩa đặc biệt vì nó tạo nên sự kết nối giữa di tích với cộng đồng đương đại. Nếu kiến trúc và hiện vật giúp lưu giữ dấu tích của quá khứ, thì lễ hội và nghi lễ lại làm cho ký ức lịch sử tiếp tục được tái hiện trong đời sống hiện tại. Vì vậy, việc tổ chức các sinh hoạt văn hóa tại đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền Thánh Nguyễn và Nhà thờ, mộ Nguyễn Bặc cần được đặt trên cơ sở tôn trọng bản sắc riêng của từng di tích, tránh tổ chức theo lối dàn đều, hình thức hoặc thiên về phô diễn bề ngoài.

Mỗi di tích ở Đại Hoàng có một sắc thái sinh hoạt văn hóa riêng, vì vậy công tác quản lý cũng phải được thiết kế theo đặc điểm cụ thể của từng nơi. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng gắn với lễ hội tưởng niệm nhân vật lịch sử của buổi đầu độc lập dân tộc, vì vậy phần nghi lễ cần được tổ chức theo hướng trang trọng, nhấn mạnh ý nghĩa tri ân và giáo dục truyền thống. Đền Thánh Nguyễn lại mang đậm màu sắc tín ngưỡng dân gian, có lịch sử lễ hội phong phú, nên việc tổ chức cần chú ý gìn giữ những yếu tố làm nên bản sắc của lễ hội địa phương. Trong khi đó,

Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc thiên về gỗ tổ, tưởng niệm và sinh hoạt dòng họ, do đó cần giữ được sự thành kính, nền nếp và chiều sâu tâm linh vốn có. Chỉ khi phân định rõ tính chất riêng của từng điểm di tích, địa phương mới có thể quản lý lễ hội và nghi lễ theo hướng chuẩn xác, tránh tình trạng gộp chung, giản lược tùy tiện hoặc thêm thắt những yếu tố xa lạ với truyền thống.

Hiệu quả của giải pháp này phụ thuộc rất lớn vào vai trò của cộng đồng địa phương, ban quản lý di tích, các bậc cao niên và đại diện dòng họ gắn với từng di tích. Chính họ là những người nắm giữ ký ức văn hóa, lệ thức tế lễ và kinh nghiệm thực hành nghi lễ qua nhiều đời, vì vậy cần được đặt vào vị trí chủ thể trong quá trình tổ chức. Tuy nhiên, cùng với việc phát huy vai trò cộng đồng, địa phương cũng cần bảo đảm lễ hội được tổ chức theo hướng văn minh, an toàn và có kiểm soát. Những vấn đề như an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, quản lý nơi dâng hương, hoạt động dịch vụ, đốt vàng mã hay buôn bán trong khu vực di tích đều phải được tính toán cụ thể. Khi phân tổ chức được điều hành chặt chẽ, lễ hội sẽ giữ được không khí trang nghiêm cần có, đồng thời hạn chế nguy cơ thương mại hóa hoặc làm biến dạng không gian văn hóa của di tích.

Về lâu dài, xã Đại Hoàng cần xây dựng cơ chế quản lý lễ hội và nghi lễ theo hướng rõ trách nhiệm, đúng bản sắc và gắn với phát huy giá trị di tích. Điều này đòi hỏi phải từng bước chuẩn hóa nội dung phần lễ, xác định những yếu tố cần bảo lưu, những yếu tố có thể điều chỉnh và những biểu hiện cần loại bỏ nếu không còn phù hợp.

3.2.3. Nâng cao nhận thức của các bên liên quan

Thực tế cho thấy, hiệu quả bảo tồn di tích không phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn kinh phí hay các biện pháp kỹ thuật, mà còn chịu tác động rất lớn từ cách nhìn nhận, thái độ ứng xử và mức độ tham gia của những chủ thể trực tiếp hoặc gián tiếp gắn với di tích. Khi người dân, chính quyền cơ sở, ban quản lý di tích, dòng họ, khách tham quan và các tổ chức liên quan cùng hiểu đúng về giá trị của di sản, công tác bảo tồn sẽ có nền tảng xã hội vững chắc hơn. Ngược lại, nếu nhận thức còn đơn giản, chỉ xem di tích như nơi thờ cúng, địa điểm tổ chức lễ hội hoặc tài nguyên phục vụ du lịch ngắn hạn, thì rất dễ dẫn đến tình trạng bảo tồn hời hợt,

khai thác thiếu định hướng hoặc can thiệp làm suy giảm giá trị gốc của di tích.

Cần làm cho cộng đồng dân cư địa phương nhận thức rõ rằng các di tích ở Đại Hoàng không chỉ là tài sản tinh thần của riêng thôn, xóm hay dòng họ, mà còn là bộ phận quan trọng của di sản lịch sử - văn hóa cấp quốc gia. Điều này có ý nghĩa đặc biệt vì chính người dân là lực lượng sống gần di tích nhất, tác động đến di tích nhiều nhất và cũng có khả năng gìn giữ di tích bền bỉ nhất. Để làm được điều đó, địa phương cần tăng cường tuyên truyền bằng những hình thức gần gũi như sinh hoạt thôn xóm, hoạt động của các đoàn thể, áp phích, tài liệu giới thiệu ngắn gọn về giá trị từng di tích. Nội dung tuyên truyền cần đi vào những vấn đề cụ thể như ý nghĩa lịch sử của nhân vật được thờ, giá trị kiến trúc - nghệ thuật của công trình, trách nhiệm của cộng đồng trong giữ gìn không gian cảnh quan và ứng xử đúng mực trong lễ hội, nghi lễ. Khi người dân hiểu sâu hơn về giá trị di tích, họ sẽ có ý thức tự giác bảo vệ di tích thay vì chỉ là sự hưởng ứng nhất thời.

Đối với chính quyền cơ sở, ban quản lý di tích, ban khánh tiết và các dòng họ liên quan, việc nâng cao nhận thức cần gắn với yêu cầu chuyên nghiệp hơn trong quản lý di sản. Các chủ thể này cần được tiếp cận thường xuyên với kiến thức về bảo tồn, tu bổ, tổ chức lễ hội, bảo quản hiện vật, cũng như kỹ năng phối hợp giữa bảo tồn với phát huy giá trị. Do đó, cần có các buổi tập huấn, hướng dẫn chuyên môn từ cơ quan văn hóa cấp huyện, cấp tỉnh; đồng thời khuyến khích đội ngũ quản lý di tích chủ động học hỏi kinh nghiệm từ những địa phương có mô hình bảo tồn hiệu quả.

Ngoài ra, cũng cần mở rộng phạm vi nâng cao nhận thức tới khách tham quan, thế hệ trẻ và các tổ chức xã hội có liên quan, bởi đây là những nhóm có ảnh hưởng ngày càng lớn đến quá trình phát huy giá trị di tích. Với học sinh, đoàn viên thanh niên, các hoạt động giáo dục truyền thống gắn với di tích cần được tổ chức theo hướng sinh động hơn, như tham quan học tập, nói chuyện lịch sử địa phương, thi tìm hiểu di sản hoặc lồng ghép nội dung về di tích vào các chương trình ngoại khóa. Với khách tham quan, địa phương nên chú trọng cung cấp thông tin giới thiệu rõ ràng, dễ hiểu để họ tiếp cận di tích bằng thái độ trân trọng, tránh ứng xử tùy tiện trong không gian thờ tự. Khi các nhóm chủ thể này nhận thức

được rằng di tích là nơi lưu giữ ký ức lịch sử, phản ánh bản sắc văn hóa và cần được tôn trọng trong cả cách nhìn lẫn cách ứng xử, thì hoạt động phát huy giá trị di tích mới thật sự diễn ra theo hướng văn minh và bền vững.

3.2.4. Phát triển du lịch bền vững về kinh tế - văn hóa - xã hội và môi trường

Tại xã Đại Hoàng, với lợi thế sở hữu các điểm di tích gắn với vua Đinh Tiên Hoàng, Đức Thánh Nguyễn Minh Không và Đinh Quốc công Nguyễn Bặc, địa phương có điều kiện để hình thành các sản phẩm du lịch văn hóa mang bản sắc riêng. Tuy nhiên, phát triển du lịch trong trường hợp này không thể đặt nặng mục tiêu tăng lượng khách hay khai thác nguồn thu trước mắt, mà cần được tổ chức trên cơ sở hài hòa giữa lợi ích kinh tế, bảo vệ giá trị văn hóa, ổn định đời sống xã hội và gìn giữ môi trường.

Trên phương diện kinh tế, xã Đại Hoàng cần định hướng phát triển du lịch theo hướng vừa sức, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và gắn với sinh kế của người dân. Thay vì đầu tư dàn trải hoặc chạy theo mô hình du lịch đại trà, địa phương nên ưu tiên xây dựng các sản phẩm nhỏ nhưng có chiều sâu, như tuyến tham quan gắn với các di tích thời Đinh - Lý, dịch vụ giới thiệu văn hóa địa phương, sản phẩm lưu niệm mang dấu ấn lịch sử và các hình thức trải nghiệm kết hợp giữa di tích với đời sống làng quê. Khi di sản trở thành một nguồn lực kinh tế có giá trị, cộng đồng sẽ có thêm động lực để tham gia bảo vệ và phát huy di tích một cách chủ động hơn. Tuy vậy, việc khai thác kinh tế phải luôn được đặt trong giới hạn hợp lý, tránh thương mại hóa không gian thờ tự hoặc tổ chức dịch vụ lấn át giá trị vốn có của di tích.

Ở phương diện văn hóa, phát triển du lịch bền vững đòi hỏi phải giữ được bản sắc riêng của từng di tích và của vùng đất Đại Hoàng. Mọi hoạt động khai thác du lịch cần bắt đầu từ việc tôn trọng giá trị lịch sử, tâm linh, nghệ thuật và cảnh quan của di tích, tránh biến lễ hội, nghi lễ hay nhân vật được thờ phụng thành những yếu tố trình diễn đơn thuần để phục vụ thị hiếu nhất thời. Địa phương nên chú trọng xây dựng nội dung thuyết minh, tài liệu giới thiệu và sản phẩm trải nghiệm dựa trên những giá trị thật của di tích, từ đó giúp du khách tiếp cận di sản bằng sự hiểu biết và trân trọng.

Về mặt xã hội, phát triển du lịch bền vững cần hướng đến việc tăng cường sự tham gia và hưởng lợi của cộng đồng địa phương. Người dân Đại Hoàng không nên chỉ đứng ngoài với vai trò quan sát, mà cần được tham gia trực tiếp vào quá trình tổ chức, phục vụ và phát huy giá trị di tích thông qua các hoạt động như hướng dẫn khách, cung cấp dịch vụ phù hợp, tham gia lễ hội, bảo vệ cảnh quan và quảng bá hình ảnh quê hương. Điều quan trọng là quá trình phát triển du lịch phải tạo được sự đồng thuận trong cộng đồng, để người dân cảm thấy họ là chủ thể của di sản chứ không phải là người chịu tác động thụ động. Bên cạnh đó, du lịch gắn với di tích cũng cần góp phần nâng cao nhận thức xã hội về lịch sử địa phương, bồi đắp niềm tự hào và củng cố tinh thần gắn kết cộng đồng. Khi được tổ chức đúng hướng, du lịch không chỉ tạo ra lợi ích kinh tế, mà còn trở thành động lực để duy trì đời sống văn hóa và củng cố nền tảng xã hội của địa phương.

Trên phương diện môi trường, đây là yêu cầu không thể xem nhẹ nếu xã Đại Hoàng muốn phát triển du lịch gắn với di tích theo hướng lâu dài. Môi trường ở đây cần được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả môi trường tự nhiên, cảnh quan sinh thái và môi trường văn hóa xung quanh di tích. Việc tổ chức tham quan, lễ hội hay các hoạt động phải bảo đảm không gây áp lực lên không gian thờ tự, không phá vỡ cảnh quan làng quê truyền thống và không tạo ra những yếu tố xây dựng thiếu kiểm soát quanh khu vực bảo vệ di tích. Địa phương cần chú ý đến công tác vệ sinh môi trường và cảnh quan như thu gom rác thải, quản lý việc đốt vàng mã, bố trí nơi để xe, lối đi và dịch vụ hỗ trợ, gìn giữ cây xanh, đường làng, và các địa danh lịch sử phụ cận, bởi đây chính là phần làm nên chiều sâu cảm nhận của di tích đối với du khách.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã tập trung làm rõ quan điểm, chính sách và một số giải pháp chủ yếu nhằm bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng gắn với phát triển du lịch bền vững. Các nội dung được đề xuất đều xuất phát từ yêu cầu giữ gìn giá trị gốc của di tích, đồng thời đặt di tích trong mối liên hệ với đời sống cộng đồng, giáo dục truyền thống và khai thác du lịch theo hướng hợp lý. Qua đó có thể thấy, bảo tồn di tích ở Đại Hoàng không thể dừng lại ở việc gìn giữ công trình vật chất, mà cần được triển khai đồng bộ từ bảo quản, tu bổ, phục hồi kiến trúc đến quản lý lễ hội, nâng cao nhận thức của các bên liên quan và tổ chức phát huy giá trị di tích trong bối cảnh mới.

Từ những giải pháp đã nêu, có thể khẳng định rằng việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử- văn hóa tại xã Đại Hoàng muốn đạt hiệu quả lâu dài thì phải được thực hiện trên nguyên tắc hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, giữa gìn giữ di sản với đáp ứng nhu cầu văn hóa, xã hội và du lịch của địa phương. Khi công tác bảo tồn được tiến hành bài bản, lễ hội và nghi lễ được tổ chức đúng hướng, cộng đồng được đặt vào vị trí chủ thể và hoạt động du lịch được định hướng theo tiêu chí bền vững, các di tích sẽ có điều kiện phát huy tốt hơn vai trò của mình trong đời sống hiện nay. Đây cũng là cơ sở quan trọng để xã Đại Hoàng vừa bảo vệ được các giá trị lịch sử - văn hóa đặc sắc, vừa từng bước biến di sản thành nguồn lực phục vụ phát triển địa phương trong tương lai.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1.1. Kết luận

Các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình là bộ phận quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa của địa phương, đồng thời cũng là những dấu tích có giá trị đối với lịch sử và văn hóa dân tộc. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền Thánh Nguyễn và Nhà thờ, mộ Nguyễn Bặc không chỉ gắn với những nhân vật tiêu biểu của thời Đinh và thời Lý, mà còn phản ánh chiều sâu lịch sử, truyền thống tâm linh và bản sắc văn hóa lâu đời của vùng đất Đại Hoàng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy các di tích ở xã Đại Hoàng hiện vẫn bảo lưu được nhiều giá trị nổi bật về cảnh quan, lịch sử, tâm linh và nghệ thuật. Không gian di tích về cơ bản vẫn gắn với môi trường văn hóa bản địa; một số hạng mục kiến trúc, hiện vật, đồ thờ và nghi lễ truyền thống vẫn tiếp tục được duy trì.

Công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích tuy đã được thực hiện ở những mức độ khác nhau, song vẫn cho thấy sự quan tâm của chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư, ban quản lý di tích, ban khánh tiết và các dòng họ liên quan. Cùng với đó, các hoạt động lễ hội, giỗ tổ, tế lễ và dâng hương vẫn diễn ra khá đều đặn, góp phần giữ cho di tích tiếp tục tồn tại như những không gian văn hóa sống trong đời sống cộng đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích tại xã Đại Hoàng vẫn còn một số hạn chế nhất định. Một số hạng mục kiến trúc đã xuống cấp, hoạt động tu bổ giữa các di tích còn thiếu đồng đều, việc bảo quản hiện vật chưa thật sự bài bản. Các hình thức phát huy giá trị di tích hiện nay vẫn thiên nhiều về thờ tự và sinh hoạt truyền thống, trong khi khả năng kết nối với giáo dục, nghiên cứu và du lịch văn hóa còn chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Điều đó cho thấy việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích ở địa phương vẫn cần được tiếp tục hoàn thiện bằng những giải pháp đồng bộ, có chiều sâu và phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn.

Từ những vấn đề đã phân tích, có thể khẳng định rằng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng là yêu cầu có ý nghĩa lâu dài, vừa góp phần giữ gìn di sản cho thế hệ sau, vừa tạo nền tảng cho

phát triển văn hóa và du lịch bền vững của địa phương. Muốn thực hiện tốt nhiệm vụ đó, cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích với quản lý lễ hội, nâng cao nhận thức cộng đồng và tổ chức khai thác giá trị di sản theo hướng phù hợp. Khi di tích được gìn giữ đúng cách và phát huy đúng hướng, xã Đại Hoàng sẽ có thêm điều kiện để khẳng định bản sắc văn hóa riêng, đồng thời từng bước đưa di sản trở thành một nguồn lực phục vụ phát triển trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Kiến nghị

1.2.1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa

Cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục quan tâm hơn đến công tác bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia tại xã Đại Hoàng thông qua việc rà soát hiện trạng từng di tích, ưu tiên bố trí kinh phí cho các hạng mục xuống cấp và tăng cường hướng dẫn chuyên môn trong quá trình tu bổ, phục hồi.

Cùng với đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa ngành văn hóa cấp tỉnh với chính quyền cơ sở nhằm bảo đảm việc bảo tồn được thực hiện đúng quy định, đúng nguyên tắc và phù hợp với đặc điểm của từng di tích. Ngoài ra, các cơ quan chuyên môn cũng nên hỗ trợ địa phương trong việc xây dựng hồ sơ tư liệu, số hóa hiện vật, biên soạn tài liệu giới thiệu và tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp quản lý di tích ở cơ sở.

1.2.2. Đối với chính quyền địa phương xã Đại Hoàng

Chính quyền địa phương cần chủ động hơn trong việc xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích theo hướng gắn với thực tiễn của địa phương. Trọng tâm là tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ giá trị lịch sử, văn hóa của các di tích trên địa bàn, từ đó nâng cao ý thức giữ gìn cảnh quan, không gian thờ tự và các sinh hoạt văn hóa truyền thống gắn với di tích. Đồng thời, địa phương cần quản lý chặt chẽ hơn việc tổ chức lễ hội, nghi lễ, dịch vụ và các hoạt động quanh khu vực di tích nhằm bảo đảm tính trang nghiêm, văn minh và phù hợp với định hướng bảo tồn.

1.2.3. Đối với ban quản lý di tích, ban khánh tiết và các dòng họ liên quan

Các ban quản lý di tích, ban khánh tiết và dòng họ gắn với từng di tích cần tiếp tục phát huy vai trò trực tiếp trong việc trông coi, gìn giữ và duy trì nề nếp sinh hoạt văn hóa tại di tích. Việc bảo vệ di tích cần đi đôi với theo dõi thường xuyên hiện trạng công trình, hiện vật, đồ thờ để kịp thời phản ánh với địa phương và cơ quan chuyên môn khi có dấu hiệu xuống cấp. Trong tổ chức lễ hội và nghi lễ, các chủ thể này cần chú ý giữ đúng lệ thức truyền thống, tránh thêm thắt tùy tiện hoặc tổ chức theo hướng phô trương làm giảm giá trị văn hóa của di tích. Đối với Nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc, vai trò của dòng họ càng cần được phát huy theo hướng vừa giữ gìn đất tổ, vừa phối hợp tốt hơn với địa phương trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

1. Vương Anh (2016), “*Bảo tồn di tích, di sản văn hóa trong sự phát triển*”, Nxb Báo nhân dân, Hà Nội.
2. Trương Quốc Bình (2016), *Bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam*, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 32, số 15, tr.68- 76.
3. Nguyễn Văn Đức (2013), *Tổ chức các hoạt động du lịch tại một số di tích lịch sử văn hóa quốc gia của Hà Nội theo hướng phát triển bền vững*, Luận án Tiến sỹ, ngành Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
4. Trịnh Thị Minh Đức (2007), “*Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa: giáo trình dành cho sinh viên đại học và cao đẳng ngành Bảo tàng*”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Bùi Xuân Quang (1993), *Lý lịch di tích đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng*, Sở Văn hóa thông tin và thể thao tỉnh Ninh Bình, Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
6. Bùi Xuân Quang (1993), *Lý lịch di tích đền thờ thánh Nguyễn*, Sở Văn hóa thông tin và thể thao tỉnh Ninh Bình, Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
7. Quốc hội chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật du lịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Quốc hội chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2024), *Luật di sản văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Dương Văn Sáu (2017), *Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
10. Ngô Đức Thọ (1991), *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Trò (1998), *Lý lịch di tích nhà thờ và mộ Nguyễn Bặc*, Sở văn hóa thông tin tỉnh Ninh Bình, Bảo tàng tỉnh Ninh Bình.
12. Nguyễn Thị Thanh Nhân (2018), *Quản lý di tích lịch sử văn hóa ở xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình*”, Luận văn thạc sỹ, Ngành Quản lý văn hóa, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật trung ương.

13. Nguyễn Thị Huyền Trang (2018), *Quản lý di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, Luận văn thạc sỹ, Ngành Quản lý văn hóa, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật trung ương.
14. Nguyễn Thành Trung (2015), *Phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa phục vụ phát triển du lịch Ninh Bình*, Luận văn thạc sỹ, ngành Quản lý kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
15. Viện Ngôn ngữ học Việt Nam (2009), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
16. Phan Văn Trung, Lê Thị Ngọc Anh (2016), *Thực trạng và một số giải pháp khai thác các di tích lịch sử, văn hóa phục vụ phát triển du lịch tỉnh Bình Dương*, Tạp chí khoa học và giáo dục, Trường Đại học Thủ Dầu Một.
17. Đinh Văn Viễn, Hà Tổng Mạnh (2024), *Giải pháp tăng cường quản lý về bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, Viện Nghiên cứu Khoa học Hành chính.
18. Nguyễn Thị Thu Dung (2023), *Quá trình phát triển quan điểm của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa*, Tạp chí Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

2/ Tiếng Anh

19. UNWTO (1992), *Recommendations on Tourism Statistics*, World Tourism Organization, Madrid.
20. Hunter, C. (1998), *Environment, Development and Sustainability*, Springer, Dordrecht.
21. Machado, A. (2003), *Tourism and Sustainable Development*, VNAT & FUDESOC, Hà Nội.

3/ Website

21. <https://daihoang.ninhbinh.gov.vn/> ngày truy cập 09/3/2026.
22. <http://tratu.soha.vn/> ngày truy cập 11/3/2026.
23. <https://baovanhoa.vn/> ngày truy cập 12/3/2026.
24. https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_Ho%C3%A0ng ngày truy cập 20/5/2026.

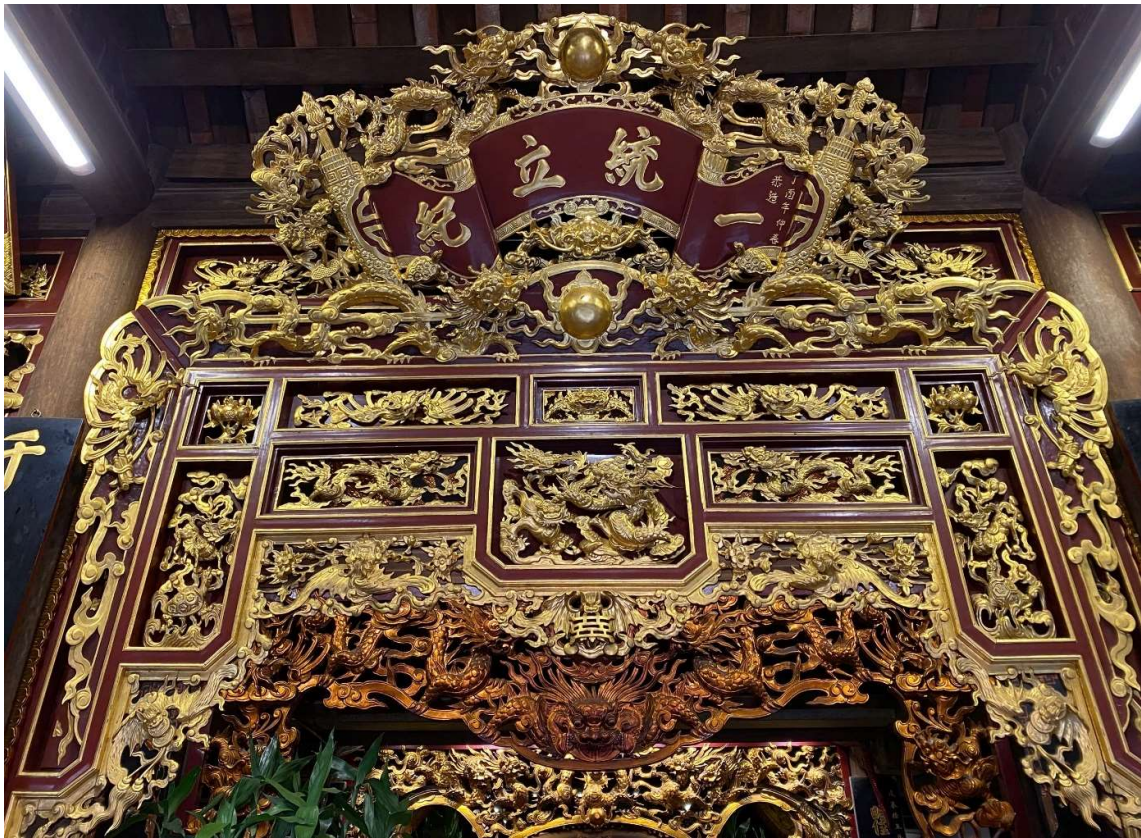
PHỤ LỤC



Ảnh 1: Cổng chính đền Văn Bông (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 2: Tiền Bái đền Văn Bông (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 3: Trang trí cửa võng hậu cung đền Văn Bông (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 4: Nhà thờ họ Nguyễn (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 5: Ban thờ Định Quốc công Nguyễn Bạc (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 6: Phần mộ Định Quốc công Nguyễn Bạc (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 7: Tòa Vọng Lâu đền thờ Đức Thánh Nguyễn (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 8: Tiền bái đền thờ Đức Thánh Nguyễn (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 9: Góc chuông đền thờ Đức Thánh Nguyễn (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 10: Sắc phong đền thờ Đức Thánh Nguyễn (Nguồn: Tác giả chụp tháng 3/2026)



Ảnh 11: Không gian lễ hội đền thánh Nguyễn (Nguồn: Tác giả chụp tháng 4/2026)



Ảnh 12: Lễ rước kiệu đền Văn Bông (Nguồn: Tác giả chụp tháng 4/2026)